

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VIỆT DŨNG

**KHÓ KHĂN TÂM LÝ
TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP
CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Chuyên ngành : Tâm lý học
Mã số : 60 31 04 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐẶNG THỊ VÂN

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu và kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả luận văn

Nguyễn Việt Dũng

LỜI CẢM ƠN!

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các thầy cô giáo trong Khoa Tâm lý - Học viện Khoa Học Xã Hội, đã quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo, TS. Đặng Thị Vân người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Đồng thời tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban giám hiệu nhà trường, các thầy cô giáo, và các em học sinh của 2 ngôi trường: THPT Lê Quý Đôn, THPT Đoàn Kết đã cộng tác tận tình trong suốt thời gian tôi nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Do điều kiện thời gian và năng lực còn hạn chế, chắc chắn luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để luận văn hoàn thiện hơn.

Hà Nội, tháng 7 năm 2016

Học viên

Nguyễn Việt Dũng

DANH MỤC VIẾT TẮT

Viết đầy đủ	Viết tắt
Định hướng nghề nghiệp	ĐHNN
Học sinh	HS
Điểm trung bình	ĐTB
Độ lệch chuẩn	ĐLC
Trung học phổ thông	THPT
Khó khăn tâm lý	KKTL
Nhà xuất bản	NXB

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	12
1.1. Một số khái niệm công cụ.....	12
1.2. Lý luận về định hướng nghề nghiệp và khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp	17
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông	27
Tiểu kết chương 1	32
Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	33
2.1. Nghiên cứu lý luận.....	33
2.2. Phương pháp nghiên cứu	33
Tiểu kết chương 2	39
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG PHỔ THÔNG HUYỆN TRỰC NINH- TỈNH NAM ĐỊNH	40
3.1.Thực trạng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	40
3.2. Định hướng nghề nghiệp tương lai của học sinh trung học phổ thông	59
3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông	64
Tiểu kết chương 3.....	72
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	74
1. Kết luận.....	74
2. Kiến nghị.....	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1: Sự khác biệt về KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh	41
Bảng 3.2: Thực trạng khó khăn trong định hướng nghề nghiệp của HS biểu hiện qua nhận thức	44
Bảng 3.3: Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của HS biểu hiện qua thái độ	48
Bảng 3.4: Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT biểu hiện qua hành vi	53
Bảng 3.5: Dự định nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của học sinh THPT	59
Bảng 3.6: Hiểu biết của HS về thông tin các ngành nghề cơ bản.....	61
Bảng 3.7: Lý do chọn nghề nghiệp của học sinh THPT	63
Bảng 3.8: Ảnh hưởng của những yếu tố chủ quan.....	67
Bảng 3.9: Ảnh hưởng của những yếu tố khách quan.....	69
Bảng 3.10: Các yếu tố dự báo mức độ khó khăn tâm lý trong ĐHNN của HS	70

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Đánh giá chung khó khăn tâm lý của học sinh trong ĐHNN	41
Biểu đồ 3.2: Nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của ĐHNN	43
Biểu đồ 3.3: Thái độ của học sinh trong việc định hướng nghề nghiệp	47
Biểu đồ 3.4: Hành vi của học sinh trong định hướng nghề nghiệp	52

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Mối tương quan giữa các mặt biểu hiện khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp	58
---	----

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghề nghiệp chính là phương tiện để đảm bảo vật chất cũng như tinh thần của con người, mỗi cá nhân đều phải lựa chọn cho mình một nghề nhất định để tồn tại và phát triển. Đây không chỉ là phương thức sinh tồn mà còn là nơi mỗi người thực hiện mơ ước, lý tưởng của mình đồng thời góp phần vào sự phát triển của quê hương đất nước. Sự phát triển không ngừng của xã hội tạo ra sự phong phú về nghề nghiệp, tạo cho người lao động nói chung và học sinh Trung học phổ thông (THPT) nói riêng có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm. Chính vì vậy, đối với người lao động hiện nay vấn đề không chỉ là có nghề, mà là tìm cho mình một nghề nghiệp phù hợp. Bản thân người lao động hay các bạn học sinh THPT không dễ dàng làm tốt công việc lựa chọn nghề này, họ luôn nảy sinh những khó khăn cần sự giúp đỡ định hướng trong công tác hướng nghiệp.

Bước vào bậc THPT và đặc biệt là những năm cuối cấp, tuổi trẻ học đường luôn có những hoài bão gắn liền với cuộc sống và tương lai của họ. Trong suy nghĩ của học sinh (HS) luôn xuất hiện những câu hỏi như “ *Mình sẽ làm gì ?*”, “ *Mình nên chọn nghề gì ?*”, “ *Nghề nào sẽ phù hợp nhất với mình ?*”,... Đây là những trăn trở, những băn khoăn ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của các em, buộc các em phải đắn đo suy nghĩ. Điều này cho thấy, các em rất cần có sự giúp đỡ, định hướng để có thể vượt qua rào cản tâm lý, có những kiến thức nhất định để lựa chọn cho mình nghề nghiệp phù hợp phát triển bản thân.

Vì vậy, công tác ĐHNN cho học sinh nhất là học sinh THPT ngày càng được quan tâm, kể cả trong gia đình trong nhà trường và xã hội. Sự định hướng nghề nghiệp giúp cho các em có cơ sở để lựa chọn chính xác, có nhận thức đúng đắn đối với nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên trên thực tế, công tác

định hướng nghề nghiệp tuy đã được đầu tư nhưng tính hiệu quả chưa được cao, ít có sự tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh bởi hầu hết các em mới được tiếp cận thông tin cơ bản về các khối thi, điểm thi. Điều đó mới chỉ mang tính chất tham khảo cung cấp thông tin mà không thể đáp ứng được chiều sâu của việc định hướng nghề nghiệp. Nhìn lại tổng quan quá trình phát triển của việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh nhiều năm qua. Đã có rất nhiều những công trình nghiên cứu về vấn đề định hướng nghề nghiệp như *“Nhu cầu tham vấn nghề nghiệp của học sinh THPT”*; *“Nghiên cứu nhận thức nghề và lựa chọn nghề của học sinh THPT”*;... Trong thực tế, nhiều em chưa nhận thức được đầy đủ hay còn gặp rất nhiều khó khăn tâm lý trong việc lựa chọn nghề nghiệp.

Huyện Trục Ninh là một huyện nằm cách trung tâm thành phố Nam Định khoảng 20km về phía Nam. Vì vậy, điều kiện tiếp cận thông tin nghề nghiệp của học sinh còn tương đối khó khăn. Trong khi đó nhu cầu cần được định hướng nghề nghiệp của các em học sinh là rất cao. Mặc dù, các em có thể tìm đến các thầy cô giáo cũng như những người có kiến thức trong việc định hướng nghề nghiệp để tìm sự giúp đỡ, hỏi đáp, nhưng học sinh vẫn gặp không ít khó khăn trong việc định hướng nghề nghiệp của bản thân, các em do dự, băn khoăn, lo lắng rằng mình chọn ngành nào? trường nào? Nếu các em lựa chọn ngành nghề không phù hợp sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tham gia đào tạo nghề nghiệp.

Trên thực tế, tại các trường THPT trên địa bàn Huyện Trục Ninh cũng đã được đầu tư và rất chú trọng đến vấn đề định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động này chưa được cao, các em chỉ được cung cấp thông tin tối thiểu về các ngành nghề tuyển sinh của các trường đại học và cao đẳng mà chưa thực sự quan tâm nhiều đến những yếu tố có liên quan khác.

Vì vậy, các em gặp không ít khó khăn tâm lý khi lựa chọn nghề nghiệp, các em khó xác định được nghề nào, phù hợp với khả năng của bản thân.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi xin lựa chọn đề tài: “*Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông*” để tiến hành nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu khó khăn tâm lý ở nước ngoài

Các nghiên cứu ở nước ngoài về khó khăn tâm lý chủ yếu được đề cập theo 2 hướng chính: Khó khăn tâm lý trong giao tiếp và khó khăn tâm lý trong học tập. Dưới đây chúng tôi sẽ dẫn cụ thể về các nghiên cứu này.

- Khó khăn tâm lý trong giao tiếp:

E.V.Sucanova (1987) đã đánh dấu cột mốc quan trọng trong vấn đề nghiên cứu khó khăn tâm lý trong giao tiếp bằng ra đời cuốn sách : “*Những khó khăn của giao tiếp liên nhân cách*”. Trong công trình nghiên cứu này tác giả đã đề cập đến những vấn đề sau:

- + Bản chất tâm lý của những khó khăn trong giao tiếp liên nhân cách
- + Vị trí của hiện tượng giao tiếp, khó khăn trong cấu trúc của vấn đề tâm lý xã hội;
- + Những đặc điểm của việc nhận thức các nguyên nhân gây ra những khó khăn trong công việc;
- + Nghiên cứu thực nghiệm về những ảnh hưởng của các yếu tố khó khăn đến quá trình giao tiếp công việc.

Trong nghiên cứu này, tác giả đã phát hiện ra một số khó khăn tâm lý trong quá trình giao tiếp và nguyên nhân nảy sinh chúng, nêu được bản chất của khó khăn tâm lý. Tuy nhiên, cũng như các tác giả khác, ông vẫn chưa phân loại được KKTL một cách cụ thể [6].

Cùng năm 1987, trong công trình nghiên cứu về nhân cách sư phạm của giáo viên, V.A.Cancalic đã nêu ra một số khó khăn trong giao tiếp của sinh viên sư phạm như:

- + Không biết dàn xếp, tổ chức một cuộc tiếp xúc;
- + Không hiểu lập trường của đối tượng giao tiếp;
- + Có tâm trạng lo lắng sợ hãi;
- + Lúng túng khi điều khiển trạng thái tâm lý của bản thân trong giao tiếp;
- + Không biết cách xây dựng mối quan hệ qua lại và đổi mới mối quan hệ đó theo nghiệp vụ sư phạm;
- + Bất chước máy móc ứng xử của các giáo viên khác [19].

Tuy tác giả này đã có công trong việc tìm ra các khó khăn tâm lý trong giao tiếp nhưng tác giả không đi vào nghiên cứu lý luận về vấn đề này.

Tóm lại: Đã có nhiều tác giả bàn về vấn đề khó khăn tâm lý trong giao tiếp, các tác giả đã phát hiện và kể ra được một số khó khăn tâm lý, nguyên nhân làm nảy sinh những khó khăn tâm lý trong giao tiếp và có tác giả đã chỉ ra được bản chất của khó khăn tâm lý. Tuy nhiên, các tác giả vẫn chưa đưa ra được khái niệm cụ thể về khó khăn tâm lý.

- Khó khăn tâm lý trong học tập:

Bên cạnh những nghiên cứu về khó khăn tâm lý trong giao tiếp thì những nghiên cứu về khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập cũng được nhiều tác giả ở nước ngoài quan tâm nghiên cứu nhiều cụ thể như sau:

Trước hết, phải đề cập đến nghiên cứu của tác giả Petrovski A.V. Khi bàn về khó khăn tâm lý của trẻ đi học lớp 1, ông cho rằng có 3 loại khó khăn sau:

Loại 1: Những khó khăn có liên quan đến đặc điểm của chế độ học tập;

Loại 2: Khó khăn trong việc thiết lập quan hệ với thầy cô giáo và bạn bè;

Loại 3: Khó khăn trong việc thích nghi với hoạt động mới, lúc đầu trẻ được chuẩn bị của gia đình, nhà trường và xã hội nên trẻ có tâm lý vui, thích, sẵn sàng đi học, về sau giảm dần khát vọng và chán học.

Ngoài ra, tác giả cũng đề cập những nguyên nhân dẫn đến khó khăn và ảnh hưởng của chúng đến đời sống của trẻ đồng thời đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn cho trẻ. Như vậy, tác giả đã đi sâu nghiên cứu khó khăn tâm lý với hoạt động học tập nhưng mới chỉ dừng lại ở nghiên cứu học sinh lớp 1[14].

Theo Binaka Zazzo (1990) cùng cộng sự của bà thuộc trung tâm nghiên cứu trẻ em của đại học Paris, 10 công trình nghiên cứu về bước chuyển từ mẫu giáo lên lớp 1 của trẻ em. Tác giả đã chỉ ra KKTL lớn nhất mà trẻ gặp phải làm cản trở sự thích ứng với hoạt động học tập của trẻ là: *“Sự thay đổi môi trường hoạt động một cách triệt để, gọi là chuyển dạng hoạt động chủ đạo, vừa chơi trở thành hoạt động đa dạng, tính tùy tự do tùy hứng của cá nhân nặng hơn tính chỉ đạo của giáo viên. Bước sang lớp 1, học tập chủ đạo của học sinh phải nghiêm chỉnh theo sự chỉ đạo của giáo viên, theo nguyên tắc lớp học”* [1.tr15].

Như vậy, ở các công trình nghiên cứu này các tác giả đã phát hiện ra 1 số nguyên nhân làm nảy sinh các khó khăn tâm lý giao tiếp, nhưng để đưa ra khái niệm khó khăn tâm lý trong giao tiếp là gì thì tác giả chưa đề cập tới.

Một số tác giả như: Maurice Debesse, Bianka Zazzo... đã nghiên cứu về khó khăn tâm lý của trẻ khi đi học lớp 1. Các tác giả đã phát hiện được khó khăn tâm lý và xác định được một số nguyên nhân làm cản trở trẻ thích ứng với hoạt động mới, hoạt động học tập.

Tóm lại, các tác giả nước ngoài khi nghiên cứu về khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập hay giao tiếp của học sinh ít nhiều chỉ ra vấn đề lí luận trong bản chất của khó khăn tâm lý, nguyên nhân dẫn đến khó khăn đó, đồng thời tác giả cũng chỉ ra được ảnh hưởng của nó tới hoạt động của học sinh,... Tuy nhiên, so với lĩnh vực khác, vấn đề khó khăn tâm lý trong học tập hay giao tiếp còn được ít các nhà khoa học nước ngoài quan tâm nghiên cứu. Đặc biệt, nghiên cứu khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học

sinh THPT thì hầu như chưa được nghiên cứu nhiều. Vì vậy, nghiên cứu khó khăn tâm lý trong học tập của học sinh nói chung hay nghiên cứu khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh nói riêng cần được các nhà khoa học nghiên cứu toàn diện hơn nữa để tìm ra nguyên nhân dẫn tới thực trạng khó khăn tâm lý đó và đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục thực trạng này trong định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu khó khăn tâm lý ở trong nước

Ở Việt Nam, có khá nhiều công trình nghiên cứu về khó khăn tâm lý nhưng chủ yếu là những nghiên cứu về khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập và giao tiếp, dưới đây là một số nghiên cứu cụ thể:

- Khó khăn tâm lý trong học tập:

Trong tác phẩm *“Nỗi khổ của con em chúng ta”*, Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã nêu ra một loạt những khó khăn tâm lý mà trẻ em lớp 1 gặp phải đó là: trẻ phải giữ kỷ luật lớp học; trẻ phải học một chương trình nặng hơn so với tuổi mẫu giáo; trẻ ít được bố mẹ vỗ về âu yếm hơn trước và trẻ luôn chịu sự kiểm tra đánh giá của bố mẹ[17].

Năm 1992, trong tác phẩm *“6 tuổi vào lớp 1”* tác giả Nguyễn Thị Nhất đã nêu lên một số khó khăn tâm lý của trẻ lớp 1 phải vượt qua. Tác giả cho rằng: *“Trong quá trình lớn lên của trẻ em có những bước ngoặt chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác đòi hỏi trẻ em phải thay đổi phương thức sinh hoạt một cách triệt để”*. Đồng thời, tác giả cũng nêu ra một số khó khăn tâm lý cụ thể mà trẻ phải vượt qua: trẻ gặp khó khăn trong quan hệ với giáo viên, trẻ bị *“vỡ mộng”* khi vào lớp một vì sự hân hoan hân hoan hồi hộp chờ đón những điều hấp dẫn được thay bằng những điều khác xa với tưởng tượng của trẻ [13].

Năm 1995, Tác giả Nguyễn Minh Hải trong bài *“Những khó khăn tâm lý trong quá trình giải toán của học sinh tiểu học”* đã đề cập đến các nguyên nhân khác nhau hạn chế năng lực giải toán của học sinh tiểu học [8, tr25].

Tác giả Nguyễn Xuân Thức (2006) ngoài việc quan tâm đến những KKTL của học sinh mà còn chỉ ra nguyên nhân cơ bản. Trong bài viết “*Các nguyên nhân dẫn đến khó khăn tâm lý của học sinh đi học lớp một*” đã nêu ra các nguyên nhân cụ thể sau: Các nguyên nhân chủ quan: Trẻ chưa hiểu rõ nội quy; trẻ chưa được chuẩn bị tâm thế trước khi tới trường. Nhóm nguyên nhân thuộc về gia đình; nhóm nguyên nhân thuộc về nhà trường; nhóm nguyên nhân thuộc về xã hội. Tác giả cho rằng, các nguyên nhân chủ quan là những nguyên nhân gây ra khó khăn tâm lý nhiều hơn cho học sinh lớp một. Ngoài ra tác giả cũng đưa ra một số giải pháp sư phạm để tháo gỡ những khó khăn tâm lý cho trẻ [16, tr.12-15].

- Khó khăn tâm lý trong giao tiếp:

Tác giả Nguyễn Thanh Sơn (1998) trong bài viết “*Những khó khăn của học sinh miền núi khi học tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam*” đã phân tích những khó khăn của học sinh miền núi khi học tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam và chỉ ra những khó khăn mà học sinh gặp phải là:

- + Hoàn cảnh giao tiếp thông tin của học sinh miền núi bị hạn chế;
- + Vốn từ năng lực của học sinh miền núi còn yếu;
- + Năng lực cảm thụ một câu thơ, đoạn văn còn yếu,...

Theo tác giả, nguyên nhân dẫn đến khó khăn của học sinh miền núi khi học tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam là do tầm văn hóa, vốn sống, vốn hiểu biết của các em còn hạn chế. Vì vậy, muốn nâng cao năng lực cảm thụ văn học của các em phải mở rộng tầm hiểu biết cuộc sống, xã hội cho các em. Những hoạt động ngoại khóa, du lịch, câu lạc bộ văn hóa,... là những hoạt động có tác dụng tốt đối với học sinh [15].

Ngoài ra, còn có rất nhiều những công trình nghiên cứu về khó khăn tâm lý chẳng hạn như:

Tác giả Cao Xuân Liễu (2006) với đề tài “*Một số khó khăn tâm lý trong học tập của học sinh lớp 1 người dân tộc K’ho ở Lâm Đồng*”. Tác giả đã chỉ

ra những khó khăn tâm lý của học sinh dân tộc K'ho là: Khó khăn tinh thần chi phối việc tiếp thu kiến thức, khó khăn ngôn ngữ, khó khăn trong giao tiếp,... [12].

Đề tài “*Khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm nhất đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*” của tác giả Nguyễn Thị Thiên Kim (2007) đã chỉ ra một số khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả đã đề xuất một số biện pháp nhằm giảm bớt những khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên[11].

Tác giả Trương Thanh Chí (2011) với đề tài: “*Khó khăn tâm lý trong công tác tham vấn học đường tại Thành Phố Hồ Chí Minh*” đã đề cập đến những khó khăn tâm lý mà học sinh mắc phải khi thực hiện công tác tham vấn học đường [2].

Nghiên cứu “*Khó khăn tâm lý và nhu cầu tham vấn của học sinh trung học phổ thông*” của tác giả Dương Thị Diệu Hoa (2008) đưa ra kết quả nghiên cứu rằng hầu hết học sinh được khảo sát đều có trạng thái tâm lý lo lắng với các mức độ khác nhau về các lĩnh vực có liên quan tới học tập, quan hệ và sự phát triển của bản thân; nhận thức của học sinh phổ thông cho rằng hoạt động tham vấn với các em là cần thiết [10, tr36-42].

Tóm lại, nghiên cứu khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập là một vấn đề phức tạp, vấn đề này cũng được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu kể trên đã ít nhiều xây dựng được hệ thống lí luận và thực tiễn về khó khăn tâm lý nói chung. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả đã và đang quan tâm nhiều đến khó khăn tâm lý trong học tập mà chưa chú trọng nghiên cứu về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu vấn đề này từ phương diện tâm lý học là thực sự cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ những biểu hiện, mức độ khó khăn tâm lý (KKTL) của học sinh THPT trong ĐHNN. Trên cơ sở đó, nêu lên được bức tranh về thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh THPT trong ĐHNN, những nguyên nhân căn bản và đề xuất những kiến nghị nhằm giúp học sinh THPT giảm bớt khó khăn tâm lý trong ĐHNN.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận về khó khăn tâm lý của học sinh THPT trong ĐHNN;
- Đánh giá thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh THPT trong ĐHNN tại huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định;
- Đề xuất một số kiến nghị nhằm giảm bớt khó khăn tâm lý cho học sinh THPT trong ĐHNN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Biểu hiện và mức độ khó khăn tâm lý của học sinh THPT trong định hướng nghề nghiệp.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn khảo sát: 300 học sinh của hai trường THPT Lê Quý Đôn và THPT Đoàn Kết huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Cụ thể nghiên cứu được tiến hành trên 3 khối lớp: khối lớp 10, khối lớp 11, khối lớp 12.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu đã nêu ở đề tài, chúng tôi kết hợp sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của Tâm lý học. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở một số nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của tâm lý học sau đây:

- Nguyên tắc hoạt động thực tiễn: Để xác định những khó khăn tâm lý của học sinh trường THPT huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định trong ĐHNN cần tìm hiểu thông qua việc chọn trường, chọn ngành học hay chọn những ngành nghề của học sinh. Qua đó, xác định được những khó khăn tâm lý các em phải đối mặt.

- Nguyên tắc tiếp cận hệ thống: Cấu trúc tâm lý của con người rất đa dạng và phức tạp, vì vậy khi nảy sinh khó khăn tâm lý này có thể kéo theo khó khăn tâm lý khác. Có nhiều yếu tố chi phối đến tâm lý của học sinh trong định hướng nghề nghiệp như: gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội hay bản thân học sinh. Vì vậy, nguyên tắc hệ thống – cấu trúc sẽ là cơ sở xác định thực trạng các khó khăn tâm lý căn bản và nguyên nhân của thực trạng đó.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu
- Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn:
 - + Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
 - + Phương pháp phỏng vấn sâu
 - + Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp xử lý số liệu

Đề tài sử dụng phương pháp thống kê toán học qua sự hỗ trợ của phần mềm SPSS (phiên bản 20.0) để phân tích dữ liệu thu được từ phiếu điều tra.

6. Ý nghĩa luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa luận

- + Hệ thống hóa về khó khăn tâm lý của học sinh trong công tác định hướng nghề nghiệp

+ Xác định một số khó khăn tâm lý cơ bản. Nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh khi tham gia hoạt động định hướng nghề nghiệp và chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến những khó khăn đó.

+ Các yếu tố chi phối hoạt động định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đa số học sinh hai trường THPT Lê Quý Đôn và THPT Đoàn Kết huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đều có khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp thể hiện ở cả 3 mặt: Nhận thức, thái độ, hành vi với các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, mức độ khó khăn chi phối toàn bộ cả ba mặt đó và dễ nhận thấy nhất chính là mặt hành vi của học sinh.

Có nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến khó khăn tâm lý của học sinh trường THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định trong ĐHNN, nhưng nguyên nhân chủ quan là nguyên nhân chủ đạo dẫn đến khó khăn tâm lý của học sinh trong ĐHNN.

7. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT.

Chương 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Kết quả nghiên cứu thực tiễn khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Một số khái niệm công cụ

1.1.1. *Khó khăn tâm lý*

1.1.1.1. *Khái niệm khó khăn tâm lý*

Khái niệm “*khó khăn tâm lý*” vẫn chưa được hiểu thông nhất, vì vậy khi nghiên cứu đề tài này chúng tôi xây dựng khái niệm “*khó khăn tâm lý*” dựa trên cơ sở khái niệm trong từ điển vận dụng vào lĩnh vực tâm lý và tham khảo một số khái niệm mà các tác giả trước đã bàn đến.

- *Khái niệm khó khăn*

Theo từ điển Tiếng Việt thì “*khó khăn*” có nghĩa là sự trở ngại làm mất nhiều công sức thiếu thốn[20, tr.357].

Theo từ điển láy Việt thì “*khó khăn*” có nghĩa là nhiều trở ngại.

Từ điển Anh - Việt thì “*difficulty*” hoặc “*hardship*” đều dùng để chỉ sự khó khăn, gay go, khắc nghiệt đòi hỏi nhiều nỗ lực để khắc phục[21, tr.335].

- *Khái niệm khó khăn tâm lý*

Căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu, có nhiều cách lí giải khác nhau cơ bản trong việc giải thích khái niệm khó khăn tâm lý, dưới đây là một vài khái niệm khó khăn tâm lý.

Trong từ điển Tâm lý học, tác giả Vũ Dũng cho rằng: “Hàng rào tâm lý là trạng thái tâm lý thể hiện ở tính thụ động quá mức của chủ thể, gây cản trở trong việc thực hiện hành động”[5, tr.89]

Theo tác giả Cao Xuân Liễu năm (2006): “*Khó khăn tâm lý là tổ hợp các thuộc tính, các trạng thái, các đặc điểm nhân cách không phù hợp với đối tượng hoạt động làm cho quá trình hoạt động gặp khó khăn, làm cho chủ thể không phát huy được khả năng của mình, dẫn đến kết quả hoạt động bị hạn chế*”[12, tr.12].

Tác giả Vũ Ngọc Hà năm (2010): “*Khó khăn tâm lý của học sinh đầu lớp 1*”, dựa trên tổng hợp ý kiến khác nhau của nhiều tác giả về khó khăn tâm lý, tác giả cho rằng: “*Khó khăn tâm lý là sự thiếu hụt phẩm chất tâm lý của cá nhân thể hiện ở chỗ cá nhân có những phẩm chất tâm lý cần thiết cho hoạt động nhưng những phẩm chất tâm lý này chưa phù hợp với mức độ của các phẩm chất tâm lý, chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động*”[7, tr16].

Xuất phát từ quan điểm trên, bên cạnh tham khảo các quan điểm đi trước khó khăn tâm lý trong đề tài này được hiểu như sau: “*Khó khăn tâm lý là những biểu hiện tâm lý của chủ thể, nảy sinh trong quá trình hoạt động gây cản trở, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình và hiệu quả hoạt động của chủ thể*”.

1.1.1.2. Những biểu hiện cơ bản của khó khăn tâm lý

Khó khăn tâm lý là những nét tâm lý cá nhân mang tính tiêu cực nảy sinh, tồn tại trong quá trình hoạt động của chủ thể, làm cho quá trình hoạt động của chủ thể bị chệch mảng, bị cản trở, dẫn tới hiệu quả không cao. Những khó khăn tâm lý này có thể được biểu hiện ở khía cạnh sau:

- *Về nhận thức*

Nhận thức là một trong những thành tố quan trọng của đời sống tâm lý con người. Nhận thức giúp con người hiểu biết về sự vật, sự việc hiện tượng, từ đó bày tỏ thái độ tình cảm và có hành vi tương ứng. Trong thực tế, con người không phải bao giờ cũng có nhận thức đúng đắn trước các vấn đề của cuộc sống. Chính vì vậy, khó khăn tâm lý trong nhận thức là sự hiểu biết không đầy đủ về nội dung, đối tượng, hoàn cảnh và mục đích của vấn đề mà con người đang quan tâm.

Có thể lấy ví dụ về khó khăn tâm lý trong giao tiếp của con người: Khó khăn tâm lý trong giao tiếp là sự hiểu biết chưa đầy đủ về nội dung, đối tượng của cuộc giao tiếp do chưa được rèn luyện kỹ năng giao tiếp; chưa nhận thức đúng về bản thân thường đánh giá mình quá cao dẫn đến tự tin thái quá; hoặc đánh giá mình quá thấp dẫn đến thiếu tự tin, tự ti, mặc cảm với chính khả

năng của bản thân. Hay cá nhân chưa nhận thức đúng đắn về vai trò, tác dụng của giao tiếp, dẫn đến tình trạng căng thẳng, sợ mắc phải những sai lầm hoặc thờ ơ, vô cảm, chủ quan, thiếu tích cực trong quá trình giao tiếp,...

Căn cứ vào quan niệm của các tác giả về bản chất của khó khăn tâm lý trong giao tiếp, chúng tôi mạnh dạn đưa ra quan niệm về KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh ở khía cạnh nhận thức là sự hiểu biết không đầy đủ về định hướng nghề nghiệp, có những nhận thức không đúng về nghề nghiệp. Ngoài ra, còn là sự thiếu hiểu biết về thông tin nghề nghiệp, yêu cầu của nghề, lĩnh vực việc làm của nghề, xu thế phát triển của nghề năng lực sở thích của cá nhân liên quan đến nghề nghiệp,... dẫn đến hoang mang, mất phương hướng ảnh hưởng đến tâm lý.

- *Về thái độ*

Thái độ chính là mặt xúc cảm, tình cảm của con người được thể hiện qua quá trình hoạt động của chủ thể. Thông thường những người ít gặp phải khó khăn tâm lý là những người biết làm chủ trạng thái cảm xúc bản thân, biểu hiện ở việc biết kiểm soát cảm xúc, biết tạo ra cảm hứng thì xúc cảm tích cực, biết điều chỉnh, điều khiển các diễn biến tâm lý của mình.

Lấy ví dụ ở người có khó khăn tâm lý trong giao tiếp liên quan đến thái độ được biểu hiện như sau: Không chú ý, quan tâm, say mê trong giao tiếp, tỏ thái độ thờ ơ, không tích cực trong giao tiếp hay không thể hiện những thái độ tình cảm thân thiện, thiện chí khi giao tiếp, không làm chủ được trạng thái cảm xúc của mình luôn tỏ ra e ngại, rụt rè, thậm chí là sợ hãi, chân tay run rẩy khi tham gia giao tiếp chỗ đông người.

Tương tự như trong giao tiếp thì khó khăn tâm lý trong ĐHNN của học sinh được biểu hiện qua thái độ như sau: Sự thiếu quan tâm, thờ ơ với vấn đề định hướng nghề nghiệp ngoài ra là những cảm xúc lo lắng, bất an hoang

mang không biết chọn ngành nghề nào cho bản thân,...Chính những yếu tố này sẽ tạo ra rất nhiều những khó khăn ảnh hưởng đến tâm lý của bản thân mỗi học sinh.

- *Về hành vi*

Hành vi chính là “*bộ mặt*” của con người, thông qua hành vi mà con người thể hiện đời sống tâm lý của họ. Cá nhân gặp phải khó khăn tâm lý trong hành vi thường có những biểu hiện: lúng túng; thiếu tự tin, diễn đạt nội dung thiếu chính xác, chưa có khả năng xây dựng kế hoạch hay cho một hoạt động cụ thể nào đó, chưa có phương pháp phù hợp,...

Chẳng hạn như trong hoạt động giao tiếp khó khăn tâm lý được biểu hiện như sau: Sự lúng túng, hấp tấp, vội vàng khi nói, biểu lộ cử chỉ và điệu bộ tư thế không tự nhiên thoải mái, mắt không dám nhìn trực tiếp vào người đối diện mà nhìn lên trần nhà, nhìn xuống đất nhìn vu vơ. Ngoài ra, còn là sự hạn chế trong vốn từ khả năng giao tiếp,...

Dựa vào quan niệm của các tác giả nghiên cứu về khó khăn tâm lý biểu hiện qua hành vi, chúng tôi cho rằng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh thể hiện qua mặt hành vi đó là sự lúng túng, thiếu tự tin trong việc lựa chọn ngành nghề, khối thi trường thi. Ngoài ra, các em lựa chọn nghề nghiệp phụ thuộc vào gia đình, bạn bè,... cũng là biểu hiện của khó khăn về mặt hành vi.

Tóm lại, khó khăn tâm lý được biểu hiện thông qua ba mặt cơ bản trên. Chúng có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau là một chỉnh thể thống nhất tạo ra cấu trúc tâm lý của con người. Thông thường, nhận thức đúng dẫn đến thái độ đúng và sau cùng là hành vi đúng. Do vậy, trong hoạt động ĐHNN cho học sinh THPT muốn tháo gỡ khó khăn tâm lý cho học sinh cần chú ý quan tâm đến ba mặt trên.

1.1.1.3. Yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý

Khó khăn tâm lý của con người là một vấn đề phức tạp, do vậy việc tìm hiểu nguyên nhân của nó cũng là một vấn đề không hề đơn giản. Cho đến nay

trên thế giới cũng như Việt Nam chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống toàn diện về lý luận cho vấn đề này. Vì vậy, có thể khái quát yếu tố gây ra khó khăn tâm lý là do sự thiếu hiểu biết về đối tượng, nội dung của chủ thể với một hoạt động cụ thể nào đó gây ra những khó khăn tâm lý, có thể lấy ví dụ như trong hoạt động học tập, hoạt động giao tiếp hay trong chính hoạt động định hướng nghề nghiệp.

Về nguyên nhân dẫn đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp thì có hai nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan:

- *Yếu tố khách quan*

Về yếu tố khách quan xuất phát từ nhiều yếu tố, có thể kể tới do nội dung công tác hướng nghiệp ở trường THPT còn nặng về lý thuyết mà yếu về thực hành kỹ năng, do giáo viên chưa quan tâm, chú trọng tạo điều kiện mở ra nhiều những gợi ý định hướng trong nghề nghiệp cho học sinh.

Ngoài ra, còn là do ảnh hưởng mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng với rất nhiều ngành nghề khiến cho học sinh hoang mang và khó có thể lựa chọn một ngành nghề phù hợp với bản thân.

Một số yếu tố cũng ảnh hưởng không nhỏ đến ĐHNN của học sinh như gia đình. Trong gia đình có thể là sự ủng hộ, cũng có thể là sự ép buộc con cái phải lựa chọn một ngành nghề nhất định mà không cho con cái quyền tự quyết tương lai của mình.

- *Yếu tố chủ quan*

Ngoài các yếu tố khách quan dẫn tới những khó khăn tâm lý trong ĐHNN của học sinh thì yếu tố chủ quan có thể nói cũng là yếu tố chiếm ưu thế. Cụ thể: Học sinh chưa xác định được rõ sự cần thiết của công tác định hướng nghề nghiệp đối với việc lựa chọn ngành nghề trong tương lai hay do bản thân chưa có nhiều những kiến thức kinh nghiệm liên quan đến các ngành nghề xã hội. Ngoài ra, các em chưa có sự quan tâm đúng mức đến việc định hướng nghề nghiệp của cá nhân, chưa chủ động tìm hiểu về thông tin, yêu cầu của nghề nghiệp,...

Căn cứ vào các vấn đề trên, khó khăn tâm lý nói chung hay khó khăn tâm lý trong ĐHNN nói riêng là một vấn đề vô cùng phức tạp và việc khắc phục nó là không hề đơn giản, đòi hỏi phải có những biện pháp tác động hợp lý, đúng đắn, phù hợp với đối tượng.

1.1.1.4. Ảnh hưởng của khó khăn tâm lý

Khó khăn tâm lý do nhiều yếu tố gây ra có thể là do xuất phát từ nội tại bản thân chủ thể hoạt động, cũng có thể do yếu tố môi trường bên ngoài tác động đến chủ thể nhưng thông qua lăng kính chủ quan đều gây ra những hiện tượng tâm lý mang tính tiêu cực làm cản trở hoạt động. Khó khăn tâm lý tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào mong muốn chủ quan của chủ thể. Ở mỗi dạng hoạt động khác nhau xuất hiện những khó khăn tâm lý khác nhau.

Trong thực tiễn, khi tiến hành bất cứ một hoạt động nào con người cũng đều gặp phải những khó khăn làm cho hoạt động của chủ thể không đi đúng hướng, làm giảm đi hiệu quả mà cá nhân mong muốn. Những khó khăn này, được gọi chung là những khó khăn trong quá trình hoạt động của con người được tạo nên bởi những yếu tố mang tính tiêu cực, bao gồm yếu tố khách quan (bên ngoài) và yếu tố chủ quan (bên trong). Những yếu tố bên ngoài được hiểu là những điều kiện, phương tiện, môi trường,...vv. Các yếu tố bên trong là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình và kết quả hoạt động của con người. Nó tạo nên “hàng rào tâm lý” cản trở quá trình hoạt động của bản thân.

1.2. Lý luận về định hướng nghề nghiệp và khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp

1.2.1. Định hướng nghề nghiệp

1.2.1.1. Khái niệm định hướng

Theo tác giả Phạm Huy Cường (2009): “*Định hướng là xác định phương hướng là việc chủ thể hành động đưa ra một hướng đi cho hoạt động nào đó trên cơ sở cân nhắc kĩ khả năng, tài chính của từng đối tượng. Mục*

đích cuối cùng của định hướng là có được một hướng đi phù hợp với mọi điều kiện, hoàn cảnh khách quan và chủ quan của chủ thể”[3, tr10].

Trong nghiên cứu này, tác giả quan tâm đến việc những khó khăn tâm lý của học sinh THPT dựa trên cơ sở, điều kiện, năng lực có sẵn của bản thân như thế nào để chọn cho mình một ngành nghề tốt nhất cho bản thân.

1.2.1.2. Nghề nghiệp và định hướng nghề nghiệp

Nghề hay nghiệp, đại từ tiếng Việt (Nguyễn Như Ý chủ biên, NXB văn hóa thông tin – 1998) định nghĩa: “*Nghề*” là công việc chuyên làm theo sự phân công của xã hội. Còn nghề nghiệp là nghề nói chung. Nghề nghiệp trong xã hội không phải là cái gì cố định cứng nhắc mà phải coi nghề nghiệp như một cơ thể sống có sự hình thành phát triển và thay đổi. Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó[18].

Theo tác giả Nguyễn Văn Hộ “*Nghề nghiệp như một dạng lao động vừa mang tính xã hội (sự phân công xã hội) vừa mang tính cá nhân (nhu cầu bản thân)*”. Trong đó, con người với tư cách là chủ thể hoạt động đòi hỏi để thảo mãn những nhu cầu nhất định của xã hội và của cá nhân[9, tr46].

Nghề nghiệp của con người có thể có thể do được đào tạo chính thức về nghề đó vì nghề đòi hỏi một trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nhất định. Cũng có nghề được hình thành tự phát do tích lũy kinh nghiệm xã hội hoặc do truyền và học nghề theo cách kèm cặp giữa người biết nghề và chưa biết nghề. Các nghề này chưa có quá trình đào tạo có đặc trưng là người làm nghề phải được cung cấp trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, làm ra sản phẩm để trao đổi trên thị trường và thu nhập của người lao động chính là nguồn sống của họ. Chính vì vậy, họ trở thành đối tượng hoạt động cơ bản, lâu dài của lý tưởng nghề nghiệp.

1.2.1.3. *Hướng nghiệp*

Theo các nhà tâm lý học thì hướng nghiệp được hiểu là hệ thống các biện pháp sư phạm, y học giúp cho thế hệ trẻ chọn nghề có tính đến nhu cầu của xã hội và năng lực của bản thân. Các nhà kinh tế học thì cho rằng đó là những mối quan hệ kinh tế giúp cho mỗi thành viên trong xã hội phát triển năng lực đối với lao động và đưa họ vào lĩnh vực hoạt động cụ thể, phù hợp với việc phân tích lao động xã hội.

Nhà tâm lý học K.Platônốp cho rằng: *“Hướng nghiệp đó là hệ thống các biện pháp tâm lý, giáo dục, y học nhằm giúp cho con người đi vào cuộc sống thông qua việc lựa chọn cho mình một nghề nghiệp vừa đáp ứng nhu cầu xã hội vừa phù hợp với hứng thú, năng lực của bản thân. Những biện pháp này sẽ tạo nên sự thống nhất giữa quyền lợi của xã hội và quyền lợi của cá nhân”*.

Theo tác giả Phạm Tất Dong thì khái niệm hướng nghiệp được hiểu theo hai bình diện:

- Về bình diện xã hội: Hướng nghiệp là một hệ thống tác động của xã hội về giáo dục, y học, xã hội học, kinh tế học giúp cho thế hệ trẻ chọn được nghề vừa phù hợp với năng lực, nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng và vừa phải đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế quốc dân.

- Về bình diện phổ thông: Hướng nghiệp được coi là công việc tập thể giáo viên, tập thể sư phạm, có mục đích giáo dục học sinh trong việc lựa chọn nghề, giúp cho các em tự quyết định nghề nghiệp tương lai trên cơ sở phân tích khoa học về năng lực, hứng thú của bản thân và nhu cầu nhân lực của xã hội[4].

Hội nghị lần thứ XI bao gồm những người đứng đầu cơ quan giáo dục nghề nghiệp của các nước XHCN họp tại Cuba dựa trên những quan điểm, nội dung xoay quanh vấn đề hướng nghiệp đã thống nhất về khái niệm hướng nghiệp như sau: *“Hướng nghiệp là hệ thống những biện pháp dựa trên cơ sở*

tâm lý học, sinh lý học, y học và nhiều khoa học khác để học sinh chọn nghề phù hợp với nhu cầu của xã hội. Đồng thời thỏa mãn tối đa nguyện vọng, thích hợp với những năng lực, sở trường và tâm lý của cá nhân, nhằm mục đích phân bổ và sử dụng hợp lý có hiệu quả lực lượng lao động dự trữ có sẵn của đất nước”.

1.2.2 Một số nét tâm lý nổi bật của học sinh trung học phổ thông

1.2.2.1. Một số nét tâm lý điểm hình của học sinh trung học phổ thông

Lứa tuổi học sinh THPT là các em học sinh đang học trung học phổ thông, có độ tuổi từ 16-18 tuổi. Lứa tuổi này có một vị trí đặc biệt quan trọng bởi đang là giai đoạn phát triển và dần hoàn thiện các cấu trúc tâm lý, các phẩm chất nhân cách và thể chất chuẩn bị cho các em bước vào cuộc sống xã hội với tư cách là một người trưởng thành. Các em phải lựa chọn cho mình một nghề nghiệp phù hợp để chuẩn bị cho cuộc sống, tương lai.

a. Đặc điểm về sự phát triển thể chất

Tuổi học sinh THPT là thời kỳ đạt được sự trưởng thành về mặt cơ thể. Sự phát triển thể chất đã bước vào thời kì phát triển bình thường, hài hòa và cân đối. Ở tuổi đầu thanh niên, học sinh THPT vẫn còn tính dễ bị kích thích và sự biểu hiện giống như ở lứa tuổi thiếu niên. Tuy nhiên, tính dễ bị kích thích ở tuổi thanh niên không phải chỉ do nguyên nhân sinh lý như lứa tuổi thiếu niên mà nó còn do cách sống của cá nhân ở tuổi này như: Không cân bằng giữa học tập, lao động vui chơi và giải trí. Nhìn chung, lứa tuổi này học sinh THPT có sức khỏe và sức chịu đựng rất tốt. Sự phát triển của thể chất ở lứa tuổi này sẽ ảnh hưởng nhất định đến tâm lý nhân cách cũng như sự định hướng nghề nghiệp của các em.

b. Đặc điểm học tập

Lứa tuổi học sinh THPT đã ý thức được tầm quan trọng của giai đoạn này. Đó là giai đoạn mà các em phải đứng trước nhiều cơ hội, nhiều thách

thức và việc lựa chọn cho mình một nghề nghiệp tương lai có thể xem như là một thách thức lớn trên con đường phía trước của các em. Do đã ý thức được tầm quan trọng này nên các em học sinh THPT có ý thức học tập cao hơn ở lứa tuổi trước. Ở các em đã hình thành, những hứng thú học tập gắn liền với khuynh hướng nghề nghiệp. Cuối bậc THPT (lớp 12), hầu hết các em đã xác định cho mình một hứng thú ổn định với một số môn học nào đó. Đây là các môn học có liên quan mật thiết đối với việc lựa chọn ngành nghề của các em. Học sinh THPT rất quan tâm đến động cơ thực tiễn (ý nghĩa thực tiễn) của môn học đối với cá nhân các em và nó sẽ liên quan đến ngành nghề mà các em chọn. Sau đó là động cơ, nhận thức, là ý nghĩa xã hội của môn học rồi mới đến các động cơ cụ thể khác.

c. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ

Do cấu trúc và chức năng của não bộ phát triển cùng với sự phát triển của các quá trình nhận thức và hoạt động học tập mà hoạt động tư duy của các em có sự thay đổi nghiêm trọng. Học sinh THPT có khả năng tư duy logic, tư duy lý luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập và sáng tạo. Những điều kiện trên sẽ tạo điều kiện để các em thực hiện các phép toán học phức tạp, phân tích nội dung cơ bản của khái niệm trừu tượng và nắm bắt mối quan hệ nhân quả trong tự nhiên và xã hội. Đó là cơ sở để các em hình thành thế giới quan. Thực tế, không phải học sinh nào cũng phát huy được hết năng lực độc lập suy nghĩ của bản thân. Vì vậy, nhiều học sinh quyết định lựa chọn nghề nghiệp mơ hồ theo cảm tính. Điều này sẽ dẫn đến nhiều quyết định sai lầm khi lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

d. Sự hình thành thế giới quan

Lứa tuổi THPT cũng là lứa tuổi quyết định đến sự hình thành thế giới quan. Đó là hệ thống các quan điểm về xã hội, về tự nhiên, các nguyên tắc và các quy tắc ứng xử,... Chỉ số đầu tiên về sự hình thành của thế giới quan đó là sự phát triển của hứng thú nhận thức đối với những vấn đề thuộc nguyên tắc

chung nhất của vũ trụ, những quy luật phổ biến của tự nhiên, của xã hội và sự tồn tại của loài người. Các em sẽ phải xây dựng những quan điểm riêng trong các lĩnh vực khoa học, đối với các vấn đề xã hội, với các tư tưởng về chính trị, đạo đức và văn hóa,...Có thể khẳng định chính nội dung của các môn học ở THPT sẽ giúp các em xây dựng được thế giới quan tích cực về tự nhiên và xã hội.

e. Đời sống tình cảm

Đời sống tình cảm của học sinh THPT rất phong phú và muôn màu. Ở lứa tuổi này, nhu cầu tình bạn tăng lên rõ rệt và sâu sắc hơn ở giai đoạn trước. Các em có những yêu cầu cao hơn trong tình bạn như phải chân thành, đáng tin, là người dễ cảm thông và biết lắng nghe chia sẻ. Tình bạn này có thể kéo dài trong suốt cuộc đời mỗi con người. Ở lứa tuổi 15, 16 các em học sinh cả nam và nữ đều coi tình bạn là mối quan hệ quan trọng nhất của con người. Bên cạnh tính bền vững thì tình bạn của các em còn mang tính xúc cảm cao. Thanh niên thường lý tưởng hóa tình bạn, các em nghĩ về bạn thường với điều mình mong muốn ở bạn bè hơn là thực tế. Sự quyến luyến mạnh mẽ về mặt cảm xúc khiến cho các em ít nhận thấy những đặc điểm thực tế ở bạn. Một điều cũng cần chú ý là ở thanh niên mới lớn, quan hệ tích cực hóa giữa nam và nữ một cách rõ rệt. Phạm vi quan hệ được mở rộng. Bên cạnh nhóm thuần nhất có khá nhiều nhóm pha trộn (cả nam và nữ). Và ở giai đoạn này, các em đã để ý hơn đến bản thân, đã bắt đầu chăm chút đến vẻ bề ngoài để cho mình thật thu hút và nổi bật. Do vậy, nhu cầu về tình bạn khác giới được tăng cường. Một số em đã xuất hiện những lời cuốn đầu tiên khá mạnh mẽ. Xuất hiện nhu cầu chân chính về tình yêu. Tình yêu nam nữ là một loại tình cảm tự nhiên và bắt đầu xuất hiện ở độ tuổi này.

f. Xu hướng nghề nghiệp

Học sinh THPT là lứa tuổi bắt đầu bước vào ngưỡng cửa của cuộc đời, khác với học sinh trung học cơ sở ở chỗ học sinh THPT đã có sự chuẩn bị về tâm thế nên các em sẽ chín chắn hơn trong việc lựa chọn cho mình con đường

đi phía trước. Tuy nhiên, trên thực tế, việc lựa chọn nghề không hề dễ dàng bởi nghề nghiệp trong xã hội rất phong phú, nghề nào cũng có vai trò và ý nghĩa nghề nghiệp nhất định. Hơn nữa, mỗi nghề nghiệp sẽ có những đặc điểm và tính chất đặc thù riêng mà không phải người nào cũng đáp ứng được. Trong khi đó học sinh THPT lại bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan đến việc lựa chọn nghề của các em. Có thể kể ra như việc dựa dẫm vào ý kiến của người khác (theo ý kiến của cha mẹ, thầy cô, bạn bè, của số đông,...) không độc lập trong suy nghĩ, không có chủ kiến riêng về ngành nghề. Những em học sinh này sẽ rất nhanh chán vì không phù hợp với nghề.

Ngoài ra, học sinh còn có những suy nghĩ sai lầm, các em cho rằng nghề thợ thì thấp kém hơn kỹ sư, giáo viên mầm non, tiểu học thì thua kém giáo viên THPT, y tá thì không bằng bác sĩ,... Vì thế, các em mà chỉ định hướng vào những nghề mà bản thân thấy nó có giá trị và vị thế xã hội cao. Bên cạnh đó, những thành kiến của học sinh như coi lao động chân tay là thấp kém, những quan niệm sai lầm của các em về giá trị nghề nghiệp đã dẫn đến thái độ không đúng trong việc định hướng nghề nghiệp.

Học sinh còn thường bị hấp dẫn bởi bề ngoài của nghề mà chưa tìm hiểu kỹ nội dung lao động của nghề, không đánh giá kỹ năng lực của mình có phù hợp với nghề hay không.

Nghề nghiệp, là phương tiện để giúp chúng ta tồn tại và phát triển, chính vì vậy, học sinh cần phải có những định hướng thật rõ ràng để có thể lựa chọn cho mình một nghề phù hợp nhất.

1.2.2.2. Những khó khăn tâm lý thường gặp phải của học sinh trung học phổ thông

Ở lứa tuổi này học sinh phải chịu rất nhiều những khó khăn tâm lý. Những khó khăn này do nhiều nguyên nhân gây ra. Dưới đây là một số nguyên nhân lớn ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý của học sinh THPT.

a. Mâu thuẫn cha mẹ - con cái ở lứa tuổi THPT

Một số những nghiên cứu gần đây cho biết có sự gia tăng về những cuộc cãi vã giữa cha mẹ và con cái ở tuổi học sinh THPT. Bởi trong giai đoạn này, các em đang phát triển mạnh ở cả thể chất và tinh thần. Các em đang rất muốn khẳng định mình để thoát ra khỏi cha mẹ và gia đình. Trong khi đó, cha mẹ lại luôn cho rằng con em của họ chưa trưởng thành, cần sự quản lý, kiểm soát từ phía gia đình. Chính vì vậy, đã nảy sinh rất nhiều những mâu thuẫn giữa cha mẹ và các con, qua đó làm nảy sinh những khó khăn ảnh hưởng mạnh tới tâm lý của các em.

b. Nghề nghiệp

Bước vào cấp 3, học sinh đã bắt đầu có những suy nghĩ về định hướng của cuộc đời mình, nghề nghiệp mà mình lựa chọn sau này. Một vấn đề quan trọng của thanh niên là việc chọn vị trí xã hội trong tương lai cho bản thân mà trước hết là việc chọn nghề. Nhiều em đã biết so sánh đặc điểm riêng về thể chất, tâm lý, khả năng của bản thân với yêu cầu của nghề nghiệp. Tuy nhiên, học sinh còn định hướng chưa đúng vào học các trường đại học. Xu hướng nghề nghiệp có tác dụng quan trọng việc điều chỉnh, thúc đẩy các hoạt động học tập của các em. Nghề nghiệp tương lai chi phối đối với hứng thú các môn học.

Nhận thức yêu cầu về nghề nghiệp càng cụ thể đầy đủ, sâu sắc bao nhiêu thì sự chuẩn bị đối với nghề nghiệp tương lai càng tốt bấy nhiêu. Cuối cấp THPT, xu hướng chọn nghề của học sinh càng phát triển rõ ràng và cụ thể, ổn định hơn. Việc chọn nghề của các em có nhiều động cơ thúc đẩy (cá nhân, xã hội). Xu thế chọn nghề của các em thuộc các lĩnh vực nghề mới, được nhiều người chú ý, hay theo số đông người lựa chọn. Hiện nay, đối với thanh niên học sinh việc chọn nghề tương lai rất phức tạp, cần được tư vấn, hướng nghiệp đầy đủ.

Đặc biệt trong thời buổi kinh tế thị trường, nhiều ngành nghề mới ra đời, các ngành nghề khác nhau có các đòi hỏi về năng lực và tố chất khác

nhau, có những ngành nghề càng thu hút được người lao động vì quy mô rộng, lương cao. Trong khi đó, một số ngành nghề sau khi ra trường rất khó xin việc. Chính những bất cập và thiên lệch trong thế giới nghề nghiệp như vậy càng làm cho các em lo lắng, băn khoăn, lúng túng,...trong việc chọn nghề nghiệp.

c. Các mối quan hệ bạn bè – xã hội

Một trong những nét tâm lý đặc trưng của lứa tuổi này là việc chơi với bạn và nhóm bạn là nhu cầu thiết yếu. Việc thuộc về một nhóm bạn nào đó rất quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, những áp lực về bạn bè và nhóm bạn cũng gây cho học sinh THPT nhiều rắc rối, nhất là trong những hoàn cảnh mà các em không có bạn cùng ủng hộ, hoặc chơi chung trong nhóm mà có sự khác biệt hoặc cảm thấy mình không thuộc về nhóm bạn đó. Các mối quan hệ bạn bè trở nên phức tạp và áp lực hơn khi có liên quan đến vấn đề tình cảm, khi cùng thích một đối tượng nào đó.

Mối quan hệ bạn bè trở nên quan trọng hơn khi trong mối quan hệ với cha mẹ của cả em trở nên căng thẳng thì bạn bè là nơi đáng tin cậy để các em chia sẻ những khó khăn của mình, trong đó có vấn đề lựa chọn nghề nghiệp tương lai

d. Vấn đề học tập

Vấn đề học tập cũng là một trong những vấn đề quan trọng của các em học sinh THPT. Nhiệm vụ chính của các em bây giờ là học tập, hoàn thành những nhiệm vụ mà thầy cô giao cho. Tuy nhiên, bước sang cấp 3 thì các em phải chuẩn bị kiên thức để đối mặt với các kì thi cuối cấp và thi tuyển sinh lên đại học. Ngay từ lớp 10, các em đã phải học chương trình căng thẳng hơn rất nhiều so với chương trình học ở cấp 2. Chính vì vậy những khó khăn, căng thẳng luôn xảy ra với các em.

e. Các vấn đề cá nhân (sức khỏe, tình cảm....)

Đối với học sinh THPT, ngoài việc học tập là mối quan tâm chính trong các hoạt động các em thì việc thay đổi phát triển của cơ thể trong độ tuổi thiếu niên, việc đảm bảo sức khỏe để đáp ứng các hoạt động học tập và vui chơi, sinh hoạt hàng ngày, vấn đề tình cảm,... cũng là các vấn đề gây ra nhiều khó khăn cho các em.

1.2.3 Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

1.2.3.1. Khái niệm khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

Trong phạm vi nghiên cứu này, khái niệm khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT được hiểu như sau:

Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT là biểu hiện tâm lý của học sinh, nảy sinh trong quá trình định hướng nghề nghiệp, gây cản trở, ảnh hưởng tiêu cực đến định hướng nghề nghiệp của chủ thể.

1.2.3.2. Biểu hiện của khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

Dấu hiệu của KKTL nói chung hay KKTL trong định hướng nghề nghiệp nói riêng được biểu hiện qua ba khía cạnh: Nhận thức, thái độ, hành vi.

- Khó khăn về mặt nhận thức

Định hướng nghề nghiệp là một hoạt động khó khăn, phức tạp, do đó trong quá trình thực hiện không phải lúc nào học sinh cũng có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về nó. Chính những nhận thức chưa đúng, chưa phù hợp là những khó khăn tâm lý gây nên những sai lầm trong định hướng nghề nghiệp của cá nhân. Biểu hiện cụ thể là, học sinh sự chưa hiểu rõ khả năng của bản thân trong vấn đề định hướng nghề nghiệp, chưa hiểu rõ thông tin nghề nghiệp xã hội đang cần hay học sinh chưa hiểu rõ hay không có nhiều thông tin về nghề nghiệp định lựa chọn cho bản thân.

Qua đây, có thể thấy được có nhận thức đúng về định hướng nghề nghiệp sẽ giúp cho học sinh rất nhiều trong việc lựa chọn tương lai của bản thân để tồn tại và phát triển.

- *Khó khăn về mặt thái độ*

Đây chính là thái độ, tình cảm của học sinh đối với ĐHNN. Có thể nói, khó khăn tâm lý biểu hiện ở dạng thái độ, tình cảm là việc xuất hiện những xúc cảm âm tính trong ĐHNN của học sinh. Biểu hiện là học sinh coi thường việc ĐHNN, chán ghét, thờ ơ, lo lắng, căng thẳng, chán nản khi gặp những vấn đề nảy sinh trong ĐHNN,... Khi nảy sinh những thái độ, tình cảm tiêu cực đối với việc định hướng nghề nghiệp thì hoạt động đó sẽ khó có hiệu quả cao. Ngược lại, nếu học sinh có thái độ tích cực đối với việc định hướng nghề nghiệp thì chắc chắn ĐHNN sẽ mang lại tín hiệu tốt cho các em.

- *Khó khăn về mặt hành vi*

Biểu hiện của đời sống tâm lý con người được thể hiện qua hành vi. Đây là một dạng khó khăn tâm lý biểu hiện cụ thể, dễ nhận thấy nhất trong hoạt động ĐHNN. Những khó khăn tâm lý về mặt hành vi có thể là kết quả của sự chi phối bởi nhận thức và thái độ hoặc do những yếu tố khác tác động, ảnh hưởng dẫn đến việc định hướng nghề nghiệp. Biểu hiện của khó khăn tâm lý trong ĐHNN biểu hiện qua mặt hành vi như: sự lúng túng, thiếu tự tin của bản thân trong việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai hay sự chi phối của các yếu tố như gia đình, bạn bè xã hội đến việc ĐHNN cho bản thân.

Tóm lại, KKTL trong định hướng nghề nghiệp được biểu hiện qua ba khía cạnh cơ bản của đời sống tâm lý con người là nhận thức, thái độ và hành vi. Chúng có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

1.3.1. Bản thân học sinh

Học sinh THPT là lứa tuổi từ 16-18 đang trong giai đoạn trưởng thành các em có những thay đổi trong suy nghĩ, những ước mơ những hoài bão dự

định trong tương lai. Tuy nhiên, với nhiều những lí do khác nhau mà các em không dám thể hiện nhu cầu của mình. Do các em chưa có đủ kinh nghiệm, tri thức hay lập trường cá nhân nên việc che giấu hay tự tìm hiểu có thể dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng do sự thiếu hiểu biết về hoạt động định hướng nghề nghiệp gây ra. Cho nên, nhu cầu học tập và tìm hiểu những nội dung định hướng nghề nghiệp của các em THPT cần được thúc đẩy và cho các em thấy đó là chính đáng trong quá trình hoàn thiện và phát triển bản thân.

1.3.2. Giáo dục gia đình

Gia đình là môi trường văn hóa đặc biệt, có chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, là yếu tố quan trọng góp phần hình thành nên nhân cách của mỗi cá nhân. Trong độ tuổi THPT, các em vẫn còn phụ thuộc nhiều vào sự giáo dục gia đình.

Văn hóa gia đình có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển tâm sinh lý của các em, phương thức giáo dục gia đình khác với nhà trường. Cụ thể gia đình chăm sóc nuôi dưỡng các em bằng tình yêu thương ruột thịt. Người lớn tiếp xúc với các em bằng hình thức trực tiếp và thường xuyên. Cha mẹ được xem là người có trách nhiệm chính trong việc giáo dục nói chung và định hướng nghề nghiệp cho các em nói riêng. Gia đình là tác nhân xã hội hóa đầu tiên và quan trọng đối với cá nhân. Đối với hầu hết các cá nhân thì gia đình là môi trường xã hội đầu tiên của cá nhân, đó là dạy cho trẻ những kinh nghiệm xã hội, các giá trị, tiêu chuẩn văn hóa và dần dần trẻ em sẽ đưa nó vào sâu trong ý thức của cá nhân. Thông qua quá trình đó gia đình không chỉ đưa trẻ em đến với thế giới hữu hình mà còn đặt chúng vào trong xã hội.

Mỗi gia đình là một mô hình văn hóa thu nhỏ với những giá trị truyền thống riêng, lối sống riêng. Trong gia đình, các cá nhân sẽ lựa chọn để tiếp nhận những giá trị, cách ứng xử của ông bà và cha mẹ. Gia đình cũng là nơi đầu tiên truyền cho những thành viên mới sinh ra của xã hội những ý niệm về giới tính trong gia đình. Trong hầu hết các nền văn hóa trẻ nhỏ được dạy rằng

con trai thì phải mạnh mẽ, bản lĩnh còn con gái sẽ phải nhỏ nhẹ, dịu dàng. Chính vì vậy, việc định hướng nghề nghiệp của con cái cũng chịu một phần ảnh hưởng từ gia đình. Có những gia đình trao con quyền tự quyết về nghề nghiệp tương lai của mình. Tuy nhiên, cũng có những gia đình lại định hướng hay có thể là ép buộc con cái đi theo nghề nghiệp truyền thống của gia đình hoặc một ngành nghề nhất định theo mong muốn của cha mẹ. Từ đó, có thể khẳng định vai trò của gia đình là rất quan trọng trong quá trình xã hội hóa của con người cũng như trong việc giáo dục nói chung hay việc định hướng nghề cho các em nói riêng.

1.3.3. Nhà trường

Nhà tâm lý học A.N.Lêônchiev cho rằng: Sự phát triển lịch sử xã hội loài người không thể thiếu sự truyền thụ tích cực cho thế hệ trẻ những thành tựu văn hóa cho loài người, không thể thiếu sự giáo dục.

Nét bản chất nổi bật của quá trình giáo dục là làm cho người được giáo dục ý thức đúng đắn và sâu sắc về nội dung chuẩn mực và ý nghĩa xã hội của việc thực hiện đúng đắn những mối quan hệ đó, giúp tích lũy được kinh nghiệm thực tiễn tích cực, có nhu cầu và thói quen hành động đúng đắn những mối quan hệ, đồng thời xây dựng cho họ ý thức và năng lực xóa bỏ những tàn dư của các quan hệ cũ và khẳng định những quan hệ mới trong lĩnh vực của cuộc sống. Logic của quá trình giáo dục là quá trình tác động đến ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi và thói quen hành vi về chính trị đạo đức và sức khỏe,...thuộc các lĩnh vực đời sống xã hội. Quá trình giáo dục hoàn chỉnh phải đảm bảo cả ba mặt trên, vì mỗi mặt là một tiền đề cũng là kết quả của mặt kia. Trong thực tế, các mặt nhận thức, thái độ, hành vi cũng có mối tương quan chặt chẽ với nhau và không thể tách rời.

Nhà trường đóng vai trò chủ đạo, có nhiệm vụ định hướng cho toàn bộ quá trình hình thành nhân cách của học sinh. Khai thác và chọn lọc, tác động

tích cực, chủ động phối hợp gia đình và xã hội trong công tác giáo dục thể hệ trẻ. Nhà trường được coi là kênh giáo dục chính thống và quan trọng đối với quá trình giáo dục của học sinh. Nhà trường bên cạnh dạy các kiến thức khoa học, dạy chữ, dạy nghề thì còn trang bị và định hướng cho các em những kỹ năng làm hành trang để bước vào cuộc sống. Mặc dù, định hướng nghề nghiệp ở THPT cũng là hơi muộn tuy nhiên cũng đủ để các em học sinh có những sự lựa chọn đúng nhất cho tương lai của mình. Định hướng nghề nghiệp trong trường THPT đó là việc cung cấp, bổ sung những kiến thức về khối thi, trường thi và những thông tin nghề nghiệp giúp các em có lựa chọn đúng đắn về công việc của mình trong tương lai. Ngoài ra, đó còn là sự cần thiết giúp các em có thêm nhiều kiến thức về tất cả các lĩnh vực bởi các em đã và đang bắt đầu cho mình một cuộc sống hoàn toàn mới.

Việc tăng cường tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp trong nhà trường THPT thông qua nội dung giáo dục phù hợp với lứa tuổi, bậc học, với vai trò người hướng dẫn, cung cấp kiến thức của đội ngũ giáo viên được chuẩn bị chu đáo, vai trò của đoàn thể, các hình thức học tập, sinh hoạt tập thể,... sẽ giúp các em có hiểu biết đúng đắn, có những định hướng rõ ràng cho công việc trong tương lai của mình.

- *Bạn bè*

Theo George Herbert Mead nhóm bạn bè cùng lứa tuổi là những người khá quan trọng. Hầu hết trẻ đều có nhóm bạn, thường là những người có cùng lứa tuổi cùng sở thích cùng quan điểm ở trường học hay gần nơi cư trú. Trong nhóm bạn, vai trò độc lập của cá nhân góp phần hình thành kinh nghiệm trong quan hệ xã hội cũng như ý thức về bản thân với những gì có trong gia đình. Nhóm bạn cũng tạo ra những cơ hội cho các thành viên chia sẻ thảo luận về các mối quan tâm chung mà trong đó có những cái thường không làm được tương tự đối với cha mẹ hay thầy cô. Nhóm bạn có vai trò vô cùng quan

trọng ở tuổi thanh thiếu niên. Vì ở lứa tuổi này, trẻ thường rất nhạy cảm, dễ bị tổn thương, cảm xúc bất thường. Ngoài ra, các em rất đề ý đến bản thân, luôn muốn chứng tỏ bản thân của mình, muốn khẳng định là mình đã lớn và cần được tôn trọng. Nhóm bạn có rất nhiều ý nghĩa đối với cá nhân. Song đôi khi nhóm bạn cũng có khi sẽ tạo ra các tác động tiêu cực đến cá nhân.

1.3.4. Xã hội

Xã hội phát triển giúp cho điều kiện sống của con người ngày càng được cải thiện. Vì thế, nhu cầu của con người cũng trở nên rất đa dạng, phong phú, mọi người có thêm điều kiện tiếp cận với cái mới mà một trong đó là sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ thông tin. Sự phát triển của khoa học công nghệ giúp cho con người nói chung và đặc biệt học sinh THPT có điều kiện để tiếp xúc nhiều hơn với truyền hình và các phương tiện truyền thông tương đối nhiều. Vai trò của truyền thông là rất lớn, nó cung cấp những kinh nghiệm xã hội, những mẫu văn hóa mang tính tiêu chuẩn dưới cách nhìn phổ biến. Truyền thông cũng làm cho các cá nhân gắn kết với nhau chặt chẽ hơn thông qua mối quan tâm chung, những giá trị chung.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng mà các em có thể lựa chọn cho mình những nghề nghiệp phù hợp cho tương lai. Đây là một nguồn tài nguyên vô cùng dồi dào và phong phú về nghề nghiệp, giúp cho người lao động cũng như nhà tuyển dụng có thể dễ dàng tìm thấy nhau. Tuy nhiên, ở người lao động nói chung hay học sinh THPT nói riêng cần có đủ năng lực, có sự đam mê và phải có động lực để phấn đấu. Vì thế, học sinh cần phải có những định hướng nghề nghiệp tốt, lựa chọn nghề nghiệp theo xu hướng thời đại, phù hợp với năng lực sở trường của cá nhân.

Tiểu kết chương 1

Khái quát tình hình nghiên cứu KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh cho thấy rằng đây là vấn đề mà được các nhà khoa học trong và ngoài nước đều có sự quan tâm. Tuy nhiên kết quả của định hướng nghề nghiệp trong trường học cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Trong giới hạn của luận văn, chúng tôi nghiên cứu về KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh một số trường THPT trên địa bàn huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Từ việc hệ thống hóa các nghiên cứu của nhiều tác giả đi trước, dựa vào nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu chúng tôi cho rằng:

Khó khăn tâm lý là những biểu hiện tâm lý của chủ thể, nảy sinh trong quá trình hoạt động, gây cản trở, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình và hiệu quả hoạt động của chủ thể.

Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT là những biểu hiện tâm lý của học sinh, nảy sinh trong quá trình định hướng nghề nghiệp, gây cản trở, ảnh hưởng tiêu cực đến định hướng nghề nghiệp của chủ thể.

Trên cơ sở đó, KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT được tiến hành nghiên cứu trên các biểu hiện sau: KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua nhận thức; KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua thái độ; KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện hành vi.

Các yếu tố ảnh hưởng đến KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT: Bản thân học sinh; giáo dục gia đình; nhà trường; xã hội .

Những kết quả nghiên cứu lý luận trên về KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT là cơ sở cho việc xác định nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức nghiên cứu.

Chương 2

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nghiên cứu lý luận

2.1.1. Mục đích nghiên cứu lý luận

- Tổng quan những nghiên cứu của tác giả trong và ngoài nước về các khó khăn tâm lý nói chung và khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp nói riêng.

- Hệ thống hóa một số vấn đề về lý luận cơ bản có liên quan đến vấn đề khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp.

- Xây dựng khung lí thuyết cho vấn đề nghiên cứu, từ đó xác lập quan điểm cho việc nghiên cứu khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

2.1.2. Nội dung nghiên cứu lý luận

- Phân tích, tổng hợp và đánh giá những công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp. Từ đó, xác định được khoảng trống của vấn đề trong nghiên cứu này để tiếp tục tiến hành nghiên cứu.

- Xác định các khái niệm công cụ và khái niệm có liên quan làm cơ sở cho nghiên cứu thực tiễn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Để nghiên cứu lý luận, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu là chủ yếu. Phương pháp này bao gồm các giai đoạn như phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa và khái quát hóa các nghiên cứu lý luận, các nghiên cứu thực tiễn có liên quan đến khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của các tác giả trong và ngoài nước đã được đăng tải trên sách báo, tạp chí.

2.2.2. Nghiên cứu thực tiễn

Quá trình nghiên cứu thực tiễn gồm 4 giai đoạn: Giai đoạn thiết kế bảng hỏi; giai đoạn điều tra thử; giai đoạn điều tra chính thức; giai đoạn xử lý kết quả.

2.2.2.1. Giai đoạn thiết kế bảng hỏi

- *Mục đích nghiên cứu*

Hình thành nội dung sơ bộ cho bảng hỏi

- *Phương pháp nghiên cứu*

Phương pháp chuyên gia, phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu.

- *Khách thể nghiên cứu*

10 Chuyên gia ở các lĩnh vực giáo dục học, tâm lý học, xã hội học

- *Nội dung nghiên cứu*

Để lập các bảng hỏi có đầy đủ nội dung của các vấn đề cần nghiên cứu, chúng tôi tiến hành phân tích, tổng hợp các lý luận và thực tiễn thông qua các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về khó khăn tâm lý, lấy ý kiến của các chuyên gia có am hiểu về khó khăn tâm lý của học sinh. Dựa vào mục đích, nhiệm vụ của luận văn và các thông tin thu thập được, chúng tôi xây dựng loại phiếu dành cho học sinh.

Bảng hỏi cho học sinh bao gồm :

Phần I: Tìm hiểu thực trạng chung về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT.

- Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp biểu hiện qua nhận thức
- Khó khăn tâm lý biểu hiện qua thái độ
- Khó khăn tâm lý biểu hiện qua hành vi

Phần II: Định hướng nghề nghiệp trong tương lai của học sinh THPT

- Dự định nghề nghiệp của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT

- Thông tin những nghề nghiệp cơ bản hiện nay
- Lý do chọn chọn nghề nghiệp của học sinh THPT

Phần III: Những yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT.

- Yếu tố khách quan
- Yếu tố chủ quan

Phần IV: Tìm hiểu về một số thông tin về học sinh và cá nhân của học sinh (Giới tính, tên, trường, lớp).

Ngoài ra, trong bảng hỏi, chúng tôi có sử dụng thêm một số mệnh đề với ý nghĩa bổ sung, làm rõ thêm vấn đề khó khăn tâm lý trong định hướng nghiệp của học sinh THPT huyện Trục Ninh gồm các mệnh đề: 2,6,14,15.

2.2.2.2. *Giai đoạn điều tra thử*

- *Mục đích nghiên cứu*

Xác định độ tin cậy và độ giá trị của bảng hỏi để tiến hành chỉnh sửa những câu hỏi không đạt yêu cầu.

- *Phương pháp nghiên cứu*

Để điều tra thử, chúng tôi sử dụng bảng hỏi cá nhân sơ bộ đã được hình thành ở giai đoạn trước và phương pháp thống kê toán học.

- *Khách thể nghiên cứu*

50 học sinh của 2 trường THPT Lê Quý Đôn; Trường THPT Đoàn Kết

- *Cách thức xử lý số liệu*

Số liệu đã thu thập được xử lý bằng chương trình SPSS phiên bản 20.0. Ở giai đoạn này, chúng tôi chỉ quan tâm đến độ tin cậy và giá trị của bảng hỏi nên đã sử dụng hai kỹ thuật thống kê, đó là phân tích độ tin cậy của bảng hỏi bằng phương pháp tính hệ số Alpha của Cronbach và phân tích yếu tố xác định độ giá trị của các thang đo trong bảng hỏi và nội dung của các yếu tố trong thang đo.

2.2.2.3. Giai đoạn điều tra chính thức

Trong giai đoạn này, chúng tôi sử dụng các phương pháp: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi các nhân, phương pháp phỏng vấn sâu.

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi cá nhân*

- *Mục đích nghiên cứu*

Khảo sát thực trạng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT huyện Trục Ninh ở các biểu hiện: Nhận thức, thái độ, hành vi

- *Phương pháp nghiên cứu*

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi dành cho cá nhân

- *Khách thể nghiên cứu:*

Nghiên cứu 300 học sinh THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Trong đó, có 150 học sinh trường THPT Lê Quý Đôn chiếm tỷ lệ 50%, 150 học sinh trường THPT Đoàn Kết chiếm tỷ lệ 50%

- *Nguyên tắc điều tra:*

Mỗi khách thể tham gia hoàn thành bảng hỏi một cách độc lập, theo suy nghĩ riêng của từng người, không được phép trao đổi, bàn bạc với những người xung quanh. Cá nhân có thể hỏi điều tra viên những mệnh đề mà họ không hiểu. Quá trình được thực hiện theo nguyên tắc điều tra, dân chủ, cởi mở.

- *Cách tính điểm cho bảng hỏi*

Để đánh giá KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT chúng tôi cho điểm 5 mức độ trả lời

- Đo kiểu đúng – sai với 5 mức độ ứng với số điểm quy ước như sau:

Hoàn toàn sai:	1 điểm
Phần lớn là sai:	2 điểm
Nửa đúng nửa sai:	3 điểm
Phần lớn là đúng:	4 điểm
Hoàn toàn đúng:	5 điểm

Như vậy, trong thang điểm nghiên cứu này, điểm thấp nhất là 1 và điểm cao nhất là 5, số điểm càng cao càng chứng tỏ rằng KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh càng lớn. Các mệnh đề thể hiện theo chiều hướng tích cực được đánh dấu (*) được đổi điểm và quy định tính theo chiều ngược lại.

$1 \Leftrightarrow 5; 2 \Leftrightarrow 4; 3 \Leftrightarrow 3; 4 \Leftrightarrow 2; 5 \Leftrightarrow 1$

- Đo kiểu mức độ ảnh hưởng với điểm 1 là mức độ ảnh hưởng cao nhất tiếp đến là mức độ ảnh hưởng giảm dần theo thứ tự các điểm tiếp theo.

- Phương pháp phỏng vấn sâu

- *Mục đích nghiên cứu*

Bổ sung, kiểm tra và làm rõ những thông tin thu thập được thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, qua đó thấy được rõ hơn về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT huyện Trục Ninh.

- *Khách thể phỏng vấn*

Học sinh: 04 nam, 04 nữ

Giáo viên: 4 thầy/cô

- *Nguyên tắc phỏng vấn*

Trong phỏng vấn, một số nguyên tắc được chú trọng: 1) Đối tượng phỏng vấn biết rõ mục đích nghiên cứu là không để đánh giá cá nhân mà chỉ để phục vụ làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu; 2) Hạn chế tối đa việc giải thích; 3) Không gợi ý câu trả lời; 4) Khuyến khích đối tượng là rõ quan điểm cá nhân về vấn đề được phỏng vấn.

- *Nội dung phỏng vấn:* Theo nội dung đã soạn sẵn

Cấu trúc biên bản phỏng vấn bao gồm 2 phần:

Phần 1: Thông tin chung về cá nhân

Phần 2: Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề sau:

- Các KKTL trong định hướng nghề nghiệp mà học sinh thường gặp

- Các yếu tố ảnh hưởng đến KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh

- Các biện pháp hạn chế KKTL trên

Phân tích kết quả phỏng vấn: Kết quả phỏng vấn được phân loại theo KKTL của học sinh biểu hiện qua nhận thức, thái độ, hành vi và các yếu tố tác động đến KKTL trong định hướng nghề nghiệp.

2.2.2.4. Giai đoạn xử lý kết quả

- *Mục đích nghiên cứu*

Xử lý các số liệu thu được ở phần điều tra chính thức để phục vụ việc phân tích kết quả làm cơ sở cho viết báo cáo.

- *Thang đánh giá*

Đối với bảng hỏi, để tính chênh lệch giữa các mức độ của thang đo chúng tôi tiến hành chia khoảng như sau: Trong các bước xử lý số liệu, chia khoảng các mức độ trở ngại tâm lý khá quan trọng. Có nhiều cách chia khoảng, ở đây chúng tôi áp dụng cách dựa trên các điểm biên giới liên tục trong một dãy số tự nhiên cho trước. Nghĩa là xác định trung điểm của 2 số tự nhiên liên tiếp trong các dãy số tự nhiên. Trong trường hợp này: thang điểm 5 bậc 1, từ 1 đến 5 tương ứng với 5 mức độ. Cách chia khoảng để tính mức độ như sau: Trung điểm giữa các điểm số 1 và 2 là 1.5, giữa 2 và 3 là 2.5, giữa 3 và 4 là 3.5, giữa 4 và 5 là 4.5, gọi là điểm biên giới liên tục. Vì vậy, có khoảng cách liên tục là:

Mức độ 1- không khó khăn, có điểm trung bình là < 1.5

Mức độ 2- ít khó khăn, có điểm trung bình từ 1.5 đến < 2.5

Mức độ 3- tương đối khó khăn, có điểm trung bình từ 2.5 đến < 3.5

Mức độ 4- khó khăn khá cao, có điểm trung bình từ 3.5 đến < 4.5

Mức độ 5- khó khăn cao, có điểm trung bình từ 4.5 trở lên

Cũng theo quy định ở trên các mệnh đề tích cực được đánh dấu (*) thì đều được quy đổi theo chiều ngược lại.

Các kết quả thu được từ bảng hỏi thể hiện KKTL trong nhận thức, thái độ, hành vi của HS trong định hướng nghề nghiệp. Vì vậy, đánh giá KKTL của HS được căn cứ vào điểm trung bình chung kết quả từ bảng hỏi

2.2.2.5. Nội dung của xử lý số liệu bằng thống kê

Số liệu sau khi thu được sau giai đoạn điều tra chính thức được xử lý bằng SPSS dùng trong môi trường Window, phiên bản 20.0. Các thông số và phép thống kê được dùng trong nghiên cứu là phân tích thống kê mô tả.

Trong phần phân tích mô tả chúng tôi sử dụng các chỉ số sau:

- Điểm trung bình cộng (mean) được dùng tính điểm đạt được của từng mệnh đề và từng yếu tố.
- Điểm lệch chuẩn (Standard deviation) được dùng để mô tả độ phân tán hay tập trung của các câu trả lời của mẫu.
- Chỉ số phần trăm của các phương án trả lời của một số không hỏi.
- So sánh trung bình để tìm ra sự khác biệt giữa các khối lớp, giới tính

Tiểu kết chương 2

Nghiên cứu này đã được tiến hành theo một quy trình thống nhất, chặt chẽ. Nghiên cứu đã kết hợp nhiều phương pháp thu thập và tổng hợp thông tin (phân tích tài liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu...). Việc phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau để thông tin thu được mang tính chính xác và tin cậy. Các thông tin thu thập được xử lý và phân tích với nhiều kỹ thuật đa dạng (phân tích định tính, phân tích định lượng) cho phép có những kết quả và kết luận đủ độ tin cậy và có giá trị về mặt khoa học đồng thời đã nhận được những kết quả khách quan mang tính khoa học.

Chương 3

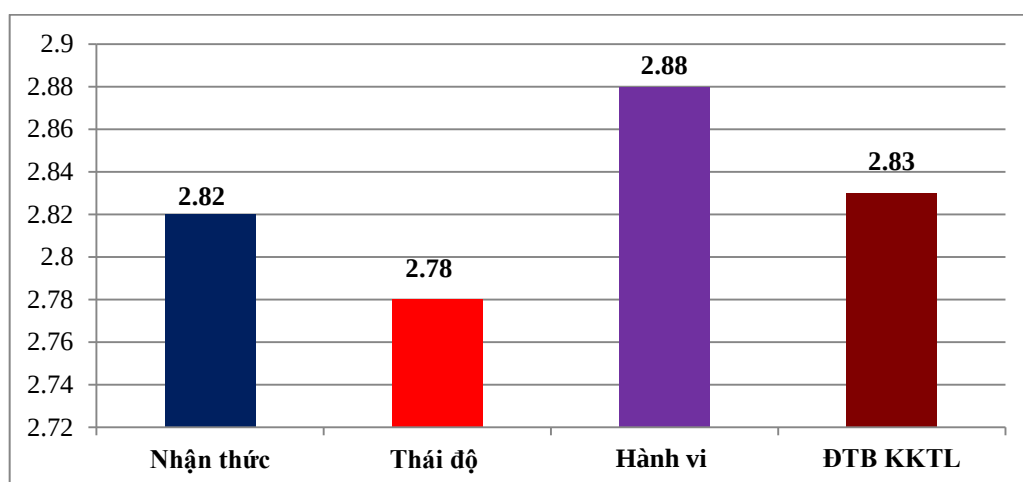
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG PHỔ THÔNG HUYỆN TRỰC NINH- TỈNH NAM ĐỊNH

3.1. Thực trạng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định

3.1.1. Đánh giá chung về thực trạng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT huyện Trực Ninh

Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề của học sinh THPT huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định là những nét tâm lý cá nhân, nảy sinh trong quá trình định hướng nghề nghiệp, gây cản trở ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình và hiệu quả của việc lựa chọn và quyết định đăng kí ngành nghề mà các em theo học. Những khó khăn tâm lý đó được biểu hiện thông qua qua ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh.

Trước khi tìm hiểu các biểu hiện khó khăn tâm lý cụ thể của học sinh THPT huyện Trực Ninh trong định hướng nghề nghiệp, chúng tôi đã tìm hiểu thực trạng chung khó khăn tâm lý của các em trong công tác này. Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy có tới 84,3 % học sinh đang gặp phải khó khăn tâm lý trong khi đó tỉ lệ học sinh không có khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp chỉ là 15.7 %. Như vậy, đã có một tỉ lệ lớn học sinh đang gặp khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp. Những khó khăn này được biểu hiện qua ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Số liệu mô tả cụ thể hơn nữa về thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh THPT huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thông qua biểu đồ 3.1.



Biểu đồ 3.1: Đánh giá chung khó khăn tâm lý của học sinh trong ĐHNN

Qua biểu đồ trên cho thấy, nhìn chung học sinh THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định có khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp ở mức độ 3: Tương đối khó khăn với ĐTB là 2.83. Xét cụ thể ở KKT biểu hiện trên ba mặt: Nhận thức, thái độ, hành vi thấy rằng không có sự khác biệt về mức độ, mức điểm trung bình đều thuộc mức độ 3: tương đối khó khăn. Với khó khăn ở mặt thái độ có ĐTB thấp nhất là 2.78, sau đó đến KKT biểu hiện về nhận thức là 2.82 và biểu hiện KKT cao nhất ở mặt hành vi với ĐTB = 2.88. Như vậy, học sinh gặp khó khăn ở cả nhận thức, thái độ, hành vi, trong đó khó khăn ở khía cạnh hành vi thể hiện rõ nhất.

- Sự khác biệt về khó khăn tâm lý ở các nhóm học sinh khác nhau gặp phải trong định hướng nghề nghiệp

Bảng 3.1: Sự khác biệt về KKT trong định hướng nghề nghiệp của học sinh

Hệ số khác biệt (P)	Giới tính		Khối lớp		
	Nam	Nữ	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Khó khăn tâm lý về nhận thức	0.000		0.000		
Khó khăn tâm lý về thái độ	0.031		0.008		
Khó khăn tâm lý về hành vi	0.949		0.000		
Khó khăn tâm lý chung	0.445		0.000		

Nhìn vào kết quả của bảng trên ta thấy xét theo tiêu chí giới tính đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhận thức và thái độ giữa học sinh nam và học sinh nữ trong định hướng nghề nghiệp, với hệ số $P < 0.05$. Còn về hành vi giữa học sinh nam và học sinh nữ trong ĐHNN thì không có sự khác biệt. Xét khó khăn tâm lý chung giữa học sinh nam và học sinh nữ trong ĐHNN thì cũng không nhận thấy sự khác biệt với hệ số $P > 0.05$

Xét theo tiêu chí khối lớp nhận thấy. Ở tất cả các khối lớp (lớp 10, lớp 11, lớp 12) đều có sự khác biệt về các mặt nhận thức, thái độ và hành vi, với hệ số $P < 0.05$. Ngoài ra, khi xét khó khăn tâm lý chung cũng nhận thấy sự khác biệt với hệ số $P < 0.05$. Điều đó được lý giải như sau: Đối với học sinh khối 10, các em mới bước vào mái trường THPT, các em mới chỉ nghĩ là việc học thế nào cho tốt chứ chưa nghĩ đến việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Vì thế, các em chưa nhận thức được rõ khó khăn về vấn đề này so với khối 11 và 12. HS lớp 11 đã phải ý thức về việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Các em thể hiện rõ sự quan tâm của cá nhân với việc chọn trường, chọn ngành sau khi tốt nghiệp phổ thông. Các em đưa ra những dự định cho mình, nếu mình theo khối A thì nên chọn thi ngành gì? trường gì? Chính vì vậy, HS khối 11 có nhiều áp lực hơn, điều đó đã gây ra nhiều khó khăn cho các em trong việc định hướng nghề nghiệp. Còn ở khối 12, các em đã có sự định hướng nghề nghiệp tốt cho mình từ khối 11 thì vấn đề khó khăn sẽ giảm đi cũng là điều dễ hiểu.

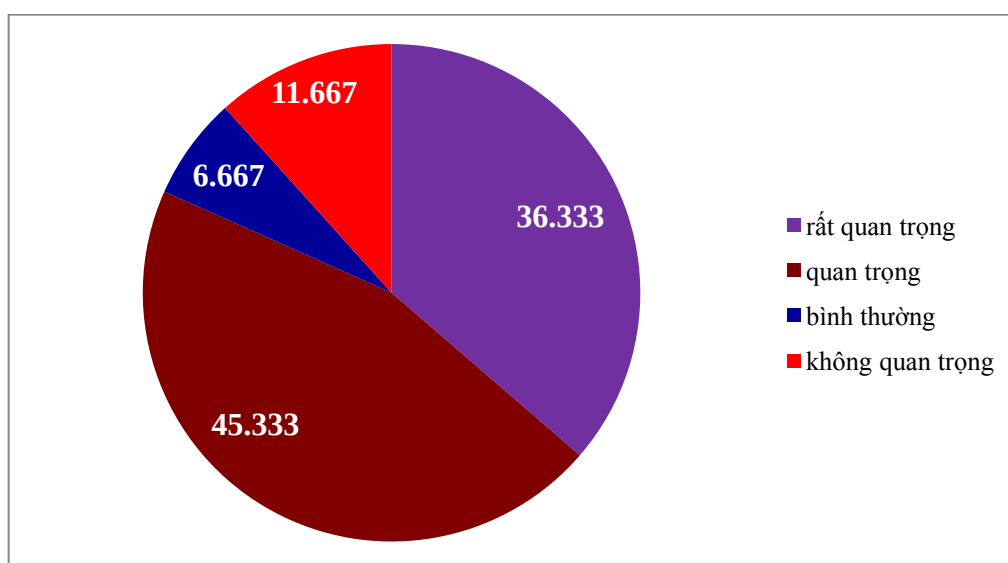
3.1.2. Những biểu hiện cụ thể khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT

3.1.2.1. Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp biểu hiện qua nhận thức

a. Đánh giá chung về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT biểu hiện qua nhận thức

Nhận thức là một trong những thành tố quan trọng của đời sống tâm lý con người. Nhận thức giúp con người hiểu biết về sự vật sự việc hiện tượng,

từ đó được thể hiện qua thái độ tình cảm và hành vi tương ứng. Qua tìm hiểu khó khăn tâm lý của học sinh biểu hiện qua nhận thức trong định hướng nghề nghiệp chúng tôi thu được kết quả như sau: Nhìn vào biểu đồ 3.2, chúng ta có thể thấy được, có 45.3% tỷ lệ học sinh đánh giá định hướng nghề nghiệp là quan trọng, 36.3% tỷ lệ học sinh đánh giá rất quan trọng và 6.7% học sinh cho rằng bình thường, còn lại 11.7 % học sinh cho rằng định hướng nghề nghiệp không quan trọng. Kết quả điều tra cho thấy đa số học sinh đã có nhận thức đúng về tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy HS vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn ở khía cạnh nhận thức biểu hiện qua ĐTB là (2.82) thuộc mức 3- tương đối khó khăn. HS gặp những khó khăn gì liên quan đến nhận thức sẽ được phân tích dưới đây.



Biểu đồ 3.2: Nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của ĐHNN

b. Thực trạng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua nhận thức

Định hướng nghề nghiệp là một hoạt động khó khăn, phức tạp. Do đó, trong quá trình thực hiện không phải lúc nào học sinh cũng có nhận thức đúng đắn, đầy đủ. Vì vậy, để học sinh có nhận thức đúng đắn hơn về định hướng

nghề nghiệp cần phải cho học sinh trực tiếp đánh giá về sự cần thiết và tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp đối với bản thân. Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy học sinh gặp tương đối khó khăn về nhận thức trong định hướng nghề nghiệp với điểm trung bình là 2.82 ở mức 3- tương đối khó khăn (nằm trong mức 2.5 đến <3.5). Điều này cho thấy có một tỷ lệ không nhỏ học sinh còn nhận thức chưa đúng về sự cần thiết và tầm quan trọng của việc định hướng nghề nghiệp

Bảng 3.2: Thực trạng khó khăn trong định hướng nghề nghiệp của HS biểu hiện qua nhận thức

Các ý kiến	Các phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
1.ĐHNN là một hoạt động hay nhưng chưa cần thiết đối với HS	51.7	4.7	21.0	7.3	5.3	2.3	1.5	2
4.Học văn hóa đã quá lắm rồi, thêm ĐHNN thì chương trình quá tải.	35.3	17.3	22.3	14.0	11.0	2.48	1.38	2
8. ĐHNN chỉ làm tốn thời gian và công sức, việc lựa chọn nghề nghiệp là của cá nhân mỗi HS	51.7	31.3	12.7	2.7	1.7	1.71	0.91	2
15. Việc ĐHNN tính sau bây giờ điều cần thiết là tập trung cho học tập	21.3	19.7	46.0	11.7	1.3	2.52	0.97	3
19. Nhà trường không cần tổ chức hoạt động ĐHNN cho HS	51.7	17.3	24.0	5.7	1.3	1.88	1.04	2
22. Bản thân em còn đang nhận thức rất mơ hồ về tầm quan trọng của ĐHNN	7.0	19.3	30.7	10.3	26.3	3.3	1.24	3
23. Bản thân thiếu những thông tin đầy đủ về nghề nghiệp cơ bản hiện nay	1.7	6.7	33.3	28.0	30.3	3.79	1.07	4

Các ý kiến	Các phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
24. Bản thân đã nắm được hoàn toàn những thông tin về nghề nghiệp hiện nay	12.3	34.7	41.0	9.0	3.0	2.56	0.92	3
25. Bản thân em không xác định được rõ khả năng của mình với nghề nghiệp đã chọn	2.7	19.7	32.3	32.3	13.0	3.33	1.02	3
26. Bản thân em chưa xác định được hứng thú với nghề nào	8.7	25.3	35.0	20.0	15.0	3.31	1.16	3
27. Bản thân thiếu thông tin về thị trường lao động (không rõ sau này nghề này sẽ làm gì, làm ở đâu, làm thế nào..)	0	9.0	22.3	38.0	30.7	3.9	0.94	4
29. Bản thân còn băn khoăn không biết ngành nghề đã chọn có phù hợp với mình không	3.0	5.7	46.0	37.7	7.7	3.41	0.83	3
ĐTB chung						2.82	0.34	3

**Ghi chú: Thấp nhất 1 điểm, cao nhất 5 điểm*

Cụ thể: Với ý kiến khảo sát “*Bản thân em còn đang nhận thức rất mơ hồ về tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp*” có 30,7% học sinh cho rằng ý kiến này nửa đúng nửa sai, 36,6 %, cho rằng ý kiến này là đúng và phần lớn là đúng với ĐTB là (3.3). Như vậy, còn nhiều em vẫn rất mơ hồ, chưa có một cách nhìn đúng đắn về việc định hướng nghề nghiệp. Mặc dù có khó khăn như vậy nhưng các em cũng đã có ý thức, cũng đã dành sự quan tâm cho việc định hướng nghề nghiệp. Điều đó được thể hiện qua hai ý kiến khảo sát “*Định hướng nghề nghiệp là một hoạt động hay nhưng chưa cần thiết đối với học sinh*” có tới 51.7% học sinh có phương án trả lời là hoàn toàn sai và phần lớn là sai, với ĐTB là (2.3), hay với ý kiến khảo sát “*Định hướng nghề nghiệp chỉ làm tốn thời gian và công sức, việc lựa chọn nghề nghiệp là của cá nhân mỗi người*”, với ĐTB là 1,71. Cụ thể, có tới 83% học sinh với lựa

chọn hai phương án phần lớn là sai và hoàn toàn sai. Mặc dù, học sinh vẫn còn khó khăn trong việc xác định sự cần thiết, tầm quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp nhưng các em đã và đang có ý thức quan tâm tới việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Đây là một tín hiệu đáng mừng.

Một trong số những khó khăn về nhận thức đáng quan tâm là học sinh còn thiếu kiến thức, thông tin về nghề nghiệp. Điều này được thể hiện qua ý kiến: “*Bản thân thiếu những thông tin nghề nghiệp cơ bản hiện nay*” với ĐTB là 3.79, trong đó 58.3 % học sinh cho rằng ý kiến này là đúng và hầu như là đúng hay với ý kiến “*Bản thân đã nắm được hoàn toàn những thông tin về nghề nghiệp hiện nay*” thì kết quả thu được có 47% học sinh cho rằng ý kiến này hoàn toàn sai và phần lớn là sai. Cuối cùng, với ý kiến khảo sát “*Bản thân thiếu thông tin về thị trường lao động (không rõ sau này nghề này sẽ làm gì, làm ở đâu, làm thế nào..)*” thì có tới 68.7 % số học sinh lựa chọn phương án phần lớn là đúng và hoàn toàn đúng. Từ kết quả khảo sát thu được cho thấy, các em thiếu rất nhiều những thông tin nghề nghiệp, yêu cầu, lĩnh vực việc làm, xu thế phát triển của nghề. Xuất phát từ thực trạng này dẫn các em đến tâm lý hoang mang, mất phương hướng trong định hướng nghề nghiệp. Điều này cũng cho thấy rằng HS chưa đánh giá đúng đắn về tầm quan trọng và cần thiết của việc định hướng nghề nghiệp.

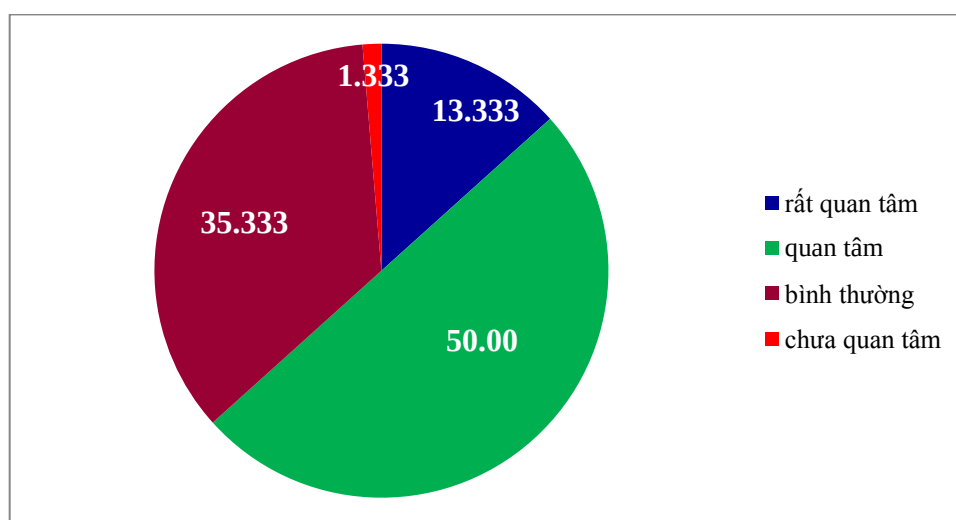
Vì vậy, để học sinh ý thức được sự cần thiết, tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp, các em cần được cung cấp những kiến thức cơ bản về định hướng nghề ngoài ra, cần bổ sung cho các em những thông tin, ngành học, ngành nghề để nâng cao vốn hiểu biết về nghề nghiệp cho các em. Bên cạnh đó, HS cũng cần chủ động tìm kiếm thông tin trên các kênh thông tin đại chúng; trao đổi thêm với thầy cô, bạn bè để nâng cao hiểu biết của bản thân

về nghề nghiệp xã hội, đặc biệt là nhóm ngành nghề các em có dự kiến tham gia đào tạo và công tác sau này.

3.1.2.2. Khó khăn thể hiện qua thái độ của học sinh THPT đối với định hướng nghề nghiệp

a. Đánh giá chung về khó khăn tâm lý thể hiện trong thái độ của học sinh THPT đối với định hướng nghề nghiệp

Thái độ chính là mặt xúc cảm, tình cảm của con người được thể hiện qua quá trình hoạt động của chủ thể. Vì vậy, chúng tôi cũng đã khảo sát thái độ của học sinh trong việc định hướng nghề nghiệp và kết quả thu được như sau.



Biểu đồ 3.3: Thái độ của học sinh trong việc định hướng nghề nghiệp

Nhìn vào biểu đồ 3.3 cho thấy có tới 50% học sinh có thái độ quan tâm tới định hướng nghề nghiệp, 13.3% học sinh có thái độ rất quan tâm và 35.3% học sinh lựa chọn ở mức độ bình thường, còn lại chỉ 1.3 % học sinh cho rằng các em chưa quan tâm đến định hướng nghề nghiệp. Như vậy, đa số học sinh trong diện điều tra có thái độ quan tâm đến việc định hướng nghề nghiệp. Tuy nhiên, khi nghiên cứu các biểu hiện khó khăn liên quan đến thái độ của học sinh về vấn đề này thì các em lại bộc lộ không ít khó khăn (ĐTB của khó khăn về mặt thái độ là (2.78) thuộc mức 3- tương đối khó khăn). Dưới đây sẽ phân tích cụ thể về vấn đề này.

b. Thực trạng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT biểu hiện qua thái độ

Bảng 3.3: Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của HS biểu hiện qua thái độ

Các ý kiến	Các phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
2. Trong các tiết học ĐHNN làm em ngao ngán (chán nản)	48.0	27.7	20.3	1.7	2.3	1.83	0.96	2
4. Em rất nhiệt tình tham gia góp ý, xây dựng bài trong các tiết học ĐHNN	21.3	12.0	47.3	11.3	8.0	2.73	1.15	3
6. Em rất ghét tham gia tiết học ĐHNN	28.0	33.7	31.3	5.7	1.3	2.19	0.95	2
8. Em phản đối việc có những tiết học ĐHNN	41.3	24.0	26.7	4.0	4.0	2.05	1.1	2
11. Với ĐHNN em khá hờ hững	29.0	36.7	26.0	4.0	1.3	2.09	0.91	2
13. Em rất lo lắng khi phải lựa chọn nghề nghiệp của bản thân	7.7	11.3	32.0	34.3	14.7	3.37	1.1	3
15. Em cảm thấy bất an trước hình thức thi tuyển mới được áp dụng	34.7	15.3	23.0	18.0	9.0	2.51	1.36	3
16. Bản thân khá lo lắng không biết sau này có xin được việc đúng nghề mà mình đã lựa chọn không	18.3	12.0	27.0	25.3	17.3	3.11	1.33	3
17. Em cảm thấy thiếu tự tin trong việc ĐHNN	9.3	15.7	41.3	22.3	11.3	3.29	1.09	3
ĐTB chung						2.78	0.45	3

* Ghi chú: thấp nhất 1 điểm, cao nhất 5 điểm

Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT biểu hiện qua thái độ gồm: Khó khăn tâm lý thể hiện trong thái độ tán thành

định hướng nghề nghiệp và thái độ của học sinh khi tiếp cận định hướng nghề nghiệp. Số liệu được mô tả trong bảng 3.3.

Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy, học sinh gặp tương đối khó khăn về thái độ trong định hướng nghề nghiệp. Điều này được phản ánh qua ĐTB là 2.78- mức tương đối khó khăn. Khi nghiên cứu vấn đề khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua thái độ, chúng tôi tập trung nghiên cứu hai vấn đề chính là: Khó khăn tâm lý thể hiện trong thái độ tán thành định hướng nghề nghiệp và thái độ của học sinh khi tiếp cận định hướng nghề nghiệp. Kết quả cho thấy thái độ tán thành định hướng nghề nghiệp các em cũng gặp ít khó khăn hơn và có thái độ tích cực hơn trong vấn đề này. Điều đó được thể hiện qua ý kiến: “*Em phản đối việc có những tiết học DHNN*” với ĐTB (2.05) thì có tới 65.3% tỷ lệ học sinh cho rằng ý kiến này sai và hoàn toàn sai. Hay với ý kiến “*Em rất ghét tham gia tiết học DHNN*” cũng có tới 61.7% học sinh cho rằng yếu tố này sai và hoàn toàn sai. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một bộ phận học sinh có thái độ chưa tích cực đối với định hướng nghề nghiệp cụ thể như trong ý kiến “*Em rất nhiệt tình tham gia góp ý, xây dựng bài trong các tiết học định hướng nghề nghiệp*” thì có tới 47,3 % phân vân đó là nửa đúng nửa sai, 33.3% cho là sai và phần lớn là sai. Như vậy, phần nhiều học sinh đã có thái độ tán thành việc định hướng nghề nghiệp song vẫn còn tồn tại một số lượng học sinh đáng kể có thái độ tiêu cực hoặc không thể hiện rõ chính kiến của bản thân về vấn đề này. Chúng tôi thiết nghĩ, sự tán thành hay không tán thành chủ yếu phụ thuộc vào nhu cầu định hướng nghề nghiệp của cá nhân. Ngoài ra, còn có sự ảnh hưởng không nhỏ từ gia đình, nhà trường và xã hội.

Mặc dù phần nhiều học sinh bộc lộ rõ quan điểm về việc tán thành định hướng nghề nghiệp nhưng khi tiếp cận định hướng nghề nghiệp thì các em cũng gặp những khó khăn nhất định. Điều đó được thể hiện qua các ý kiến

sau: Cụ thể: ở ý kiến: “*Em rất lo lắng khi phải lựa chọn nghề nghiệp của bản thân*” có điểm trung bình khá cao (3.37) với 49.0% số học sinh cho rằng điều này là đúng và gần như là đúng, 32% số học sinh phân vân điều này là nửa đúng nửa sai. Tương tự như vậy, với ý kiến cho rằng “*Bản thân khá lo lắng không biết sau này có xin được việc đúng nghề mà mình đã lựa chọn không*” có ĐTB khá cao (3.11), trong đó có tới 42.6% số học sinh được hỏi cho rằng điều này đúng hoặc gần như đúng, 27 % phân vân cho rằng điều này là nửa đúng nửa sai. Như vậy, căn cứ vào các số liệu nêu trên cho thấy có sự phức tạp trong tâm lý của các em đối với vấn đề định hướng nghề nghiệp. Cụ thể là nhận thức của các em có thể đi lên nhưng vẫn tồn tại song song đó là những xúc cảm gắn liền với sự tiêu cực về định hướng nghề nghiệp cho tương lai. Với ý kiến “*Em cảm thấy thiếu tự tin trong việc định hướng nghề nghiệp*” có tới 33.6% học sinh thừa nhận điều này và 41.3% học sinh phân vân nửa đúng nửa sai, kết quả này cũng khẳng định thêm về khó khăn của học sinh về thái độ tiếp cận với định hướng nghề nghiệp.

Để làm rõ hơn vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn một số học sinh qua câu hỏi: “*Em có thấy lo lắng băn khoăn trong định hướng nghề nghiệp cho mình không?*”. Em Vũ Thị Loan-12A1 trường THPT Lê Quý Đôn trả lời: “*Với việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân, em cảm thấy rất lo lắng và bất an bởi vì hiện nay tình trạng thất nghiệp đang tăng cao, sinh viên tốt nghiệp ra trường thất nghiệp hoặc không làm đúng với ngành nghề chiếm tỉ lệ vô cùng lớn. Em rất băn khoăn không biết sau khi thi THPT quốc gia nên đi làm luôn hay đi học cao đẳng, đại học. Nếu như đi học mà sau này không xin được việc thì rất lãng phí thời gian và tiền của của bố mẹ. Điều đó đã tạo cho chúng em rất nhiều áp lực, chúng em cảm thấy vô cùng hoang mang và lo lắng trong việc định hướng nghề nghiệp*”.

Từ những phân tích trên cho chúng ta thấy rằng, thái độ của học sinh đối với định hướng nghề nghiệp diễn ra khá phức tạp. Biểu hiện ở chỗ, mặc dù các em có thái độ tán thành định hướng nghề nghiệp nhưng sự tán thành này lại có mâu thuẫn khi một bộ phận không nhỏ học sinh vẫn còn tồn tại sự e dè trong định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Điều này cho thấy, bản thân các em ý thức được mình có nhu cầu định hướng nghề nghiệp, các em tán thành điều đó, tuy nhiên trong tâm lý của các em vẫn còn gặp rất nhiều những khó khăn như lo lắng, bất an, hoang mang không biết định hướng của mình sẽ như thế nào.

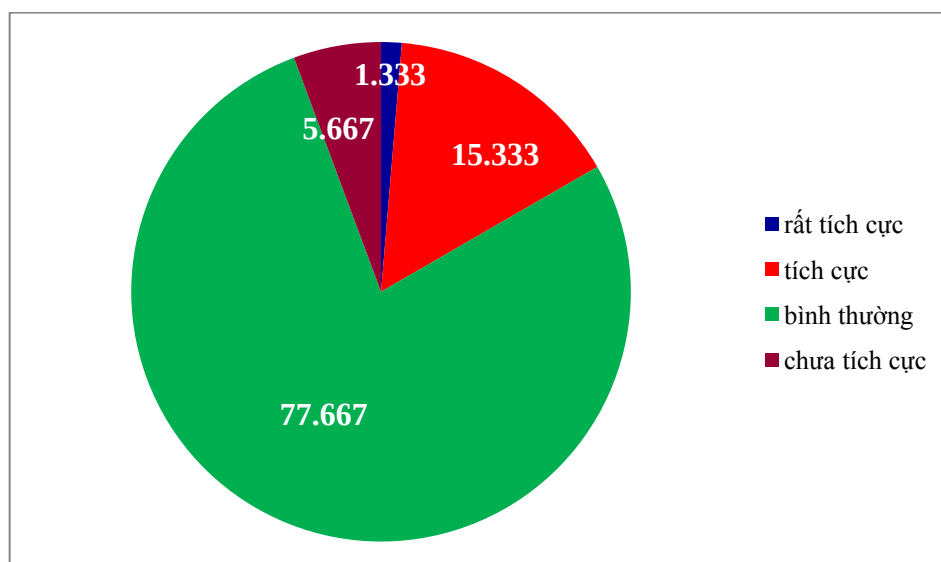
Vì vậy, vấn đề đặt ra là các nhà giáo dục cần có sự định hướng, giúp đỡ các em điều chỉnh cảm xúc, thay đổi thái độ, vượt qua những tâm lý e ngại trên để các em có thể tự tin lựa chọn cho mình một ngành nghề phù hợp với năng lực của bản thân. Các em cần được trang bị những thông tin về nghề nghiệp từ công tác hướng nghiệp của nhà trường, bản thân. Ngoài ra, các em cũng cần quan tâm chủ động tìm kiếm thông tin qua các kênh thông tin đại chúng để có đủ, chính xác về nghề nghiệp; nhìn nhận đúng về năng lực, sở thích của cá nhân liên quan đến nghề nghiệp đó; nhờ sự trợ giúp tư vấn từ thầy cô, gia đình, những anh chị đi trước,... Có như vậy, các em mới giảm bớt những khó khăn về thái độ của bản thân trong định hướng nghề nghiệp tương lai.

3.1.2.3. Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông biểu hiện qua hành vi

a. Đánh giá chung về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT biểu hiện qua hành vi

Hành vi chính là “bộ mặt” của con người, thông qua hành vi mà con người thể hiện đời sống tâm lý của họ. Trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT cũng vậy thông qua hành vi mà các em thể hiện sự tích cực

hay không tích cực của mình. Vì vậy, chúng tôi đã khảo sát hành vi của học sinh khi tham gia định hướng nghề nghiệp và kết quả thu được như sau:



Biểu đồ 3.4: Hành vi của học sinh trong định hướng nghề nghiệp

Nhìn vào biểu đồ chúng ta có thể thấy được, có tới 77.7% tỷ lệ học sinh thể hiện hành vi bình thường trong định hướng nghề nghiệp, 15.3% tỷ lệ học sinh có hành vi tích cực và 5.7% học chưa tích cực, còn lại chỉ 1.3 % học sinh là có hành vi rất tích cực định hướng nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy HS chưa có hành vi tích cực trong định hướng nghề nghiệp được phản ánh qua ĐTB đạt (2.88) ứng với ở mức 3 mức tương đối khó khăn.

b. Thực trạng khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT biểu hiện qua hành vi

Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh thể hiện qua mặt hành vi bao gồm: Tâm lý ngại thể hiện tính chủ động của học sinh trong việc tìm hiểu lĩnh hội kiến thức định hướng nghề nghiệp; khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua việc lựa chọn nghề nghiệp. Để làm sáng tỏ khó khăn này chúng tôi tiến hành khảo sát và kết quả thu được như sau:

Bảng 3.4: Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp
của học sinh THPT biểu hiện qua hành vi

Các ý kiến	Các phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
4. Trong giờ ĐHNN, em thường giả bộ không quan tâm những vấn đề lắng nghe thầy cô giáo giảng, chia sẻ	23.7	38.7	31.7	4.7	1.3	2.21	0.9	2
5. Em thường không chú ý nghe giảng trong tiết học về ĐHNN	19.7	48.3	28.3	0.3	3.0	2.19	0.86	2
8. Em thường chủ động nêu các vấn đề thắc mắc, không rõ khi tham gia buổi ngoại khóa về hướng nghiệp	17.0	14.3	50.0	17.3	1.3	2.72	1.0	3
9. Thời gian tham gia tiết học ngoại khóa về ĐHNN em tranh thủ thư giãn (ngủ, sử dụng điện thoại...)	37.3	26.3	28.7	5.0	2.7	2.09	1.05	2
10. Em rất lúng túng trong việc lựa chọn ngành thi, trường thi vì ngành nghề quá đa dạng và phong phú	3.0	8.3	29.3	31.3	28.0	3.73	1.05	4
11. Gia đình có ảnh hưởng rất lớn tới việc lựa chọn ngành nghề của em	4.3	16.0	35.7	25.7	18.3	3.83	1.09	4
12. Việc chọn nghề nghiệp là do em quyết định không chịu ảnh hưởng từ yếu tố nào	16.7	16.0	40.7	18.3	8.3	2.86	1.15	3
13. Em quyết định chọn trường, nghề theo xu thế của các bạn chơi thân	31.7	19.3	31.0	15.0	3.0	2.83	1.16	3

Các ý kiến	Các phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
14. Em không đủ tự tin để tự chọn cho mình một ngành nghề riêng	8.7	18.7	37.7	21.0	14.0	3.13	1.14	3
15. Em quyết định thi vào trường tốt để có trượt cũng không phải xấu hổ với mọi người	17.0	38.7	33.7	8.0	2.7	2.41	0.95	2
16. Bản thân chọn nghề theo xu thế chung của xã hội, ngành nghề đáp ứng yêu cầu như có sẵn đầu ra, dễ thăng tiến, kiếm được nhiều tiền...	4.7	13.7	39.3	23.0	15.7	3.28	1.07	3
17. Bản thân thích một lúc nhiều nghề, không có định hướng cụ thể, rõ ràng	9.0	12.7	36.0	30.3	12.0	3.24	1.1	3
ĐTB chung						2.88	0.4	3

** Ghi chú: thấp nhất 1 điểm, cao nhất 5 điểm*

Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy học sinh gặp tương đối khó khăn về hành vi trong định hướng nghề nghiệp với điểm trung bình là 2.88 ở mức 3-tương đối khó khăn. Khi nghiên cứu về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua hành vi, chúng tôi tập trung nghiên cứu 2 khía cạnh sau: Tâm lý ngại thể hiện tính chủ động của học sinh trong việc tìm hiểu lĩnh hội kiến thức định hướng nghề nghiệp; khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua việc lựa chọn nghề nghiệp.

Ở khía cạnh thứ nhất, phần nào chúng ta cũng thấy được sự chủ động của các em trong việc tìm hiểu và lĩnh hội kiến thức định hướng nghề nghiệp. Điều này được thể hiện rất rõ qua các ý kiến khảo sát sau: “*Em thường không chú ý nghe giảng trong tiết học về định hướng nghề nghiệp*” có ĐTB là 2.19

(mức 2), ở biểu hiện này có tới 68% học sinh cho rằng sai và phần lớn là sai, 28.3% học sinh phân vân giữa đúng và sai. Hay một biểu hiện khác “*Thời gian tham gia tiết học ngoại khóa về ĐHNN em tranh thủ thư giãn (ngủ, sử dụng điện thoại...)*”. Với ĐTB là 2.09 với 63.6 % tỷ lệ học sinh cho rằng sai và phần lớn là sai và 28.7% tỷ lệ học sinh phân vân giữa đúng và sai. Qua 2 biểu hiện cụ thể trên, có thể thấy nhiều em đã phần nào nhận thức đúng về định hướng nghề nghiệp, từ đó thể hiện tính chủ động hơn trong việc tìm hiểu và lĩnh hội, kiến thức trong việc định hướng nghề nghiệp. Điều này cũng chứng tỏ rằng hiện nay ở các trường THPT công tác hướng nghiệp cho học sinh đã và đang được quan tâm và chú trọng. Chúng tôi cũng có dịp phỏng vấn một số giáo viên phụ trách công tác định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Khi được phỏng vấn rằng: “*Thầy cô đánh giá thế nào về ý thức học tập của HS hiện nay khi tham gia các tiết học định hướng nghề nghiệp?*”. Cô Nguyễn Thị Anh Thư giáo viên trường THPT Lê Quý Đôn chia sẻ: “*Hiện nay vấn đề dạy và học định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT trong nhà trường đang nhận được rất nhiều sự quan tâm từ phía các gia đình và xã hội. Nhất là với hình thức thi tuyển đổi mới như hiện nay thì việc định hướng nghề nghiệp cho các em càng được quan tâm nhiều hơn. Bản thân mỗi học sinh khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này các em đều rất có ý thức trong việc tham gia tìm hiểu và lĩnh hội kiến thức định hướng nghề nghiệp. Điều đó được biểu hiện qua hành vi cụ thể của các em trong từng tiết học như: Chú ý, tập trung, chủ động lĩnh hội kiến thức... Tuy nhiên, ngoài những em có hành vi tích cực trong định hướng nghề nghiệp thì vẫn còn tồn tại một bộ phận không nhỏ HS có hành vi tiêu cực như không quan tâm đến bài giảng, làm việc riêng, nói chuyện riêng...*”. Đây cũng là một thông tin thực tế cần nghiên cứu một cách bài bản hơn, toàn diện hơn để có định hướng giáo dục và rèn ý thức cho HS về vấn đề định hướng nghề nghiệp. Ý kiến của giáo

viên trên cũng khá tương đồng với kết quả điều tra liên quan đến biểu hiện sau: *“Trong giờ ĐHNN, em thường giả bộ không quan tâm những vẫn lắng nghe thầy cô giáo giảng, chia sẻ”* với ĐTB là 2.21 trong đó với tỷ lệ 52.4% học sinh nhận thấy sai và phần lớn là sai và 31.7% đang phân vân giữa hành vi đúng và sai.

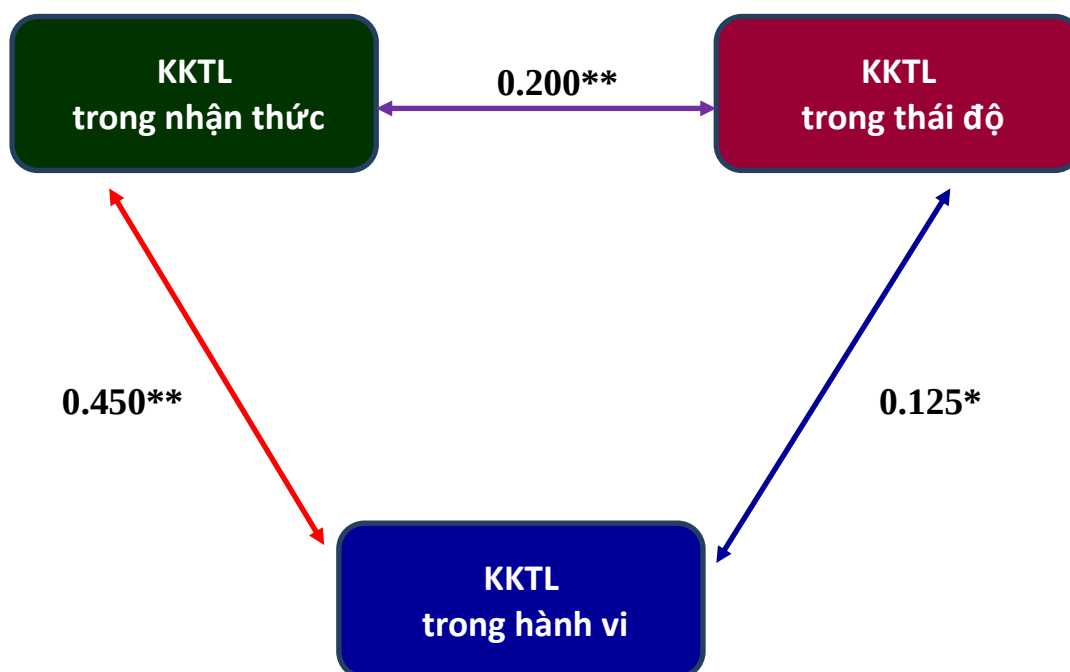
Tóm lại, học sinh đã phần nào có nhận thức đúng về tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp thông qua hành vi tích cực khi tham gia hoạt động định hướng nghề nghiệp ở trường. Tuy nhiên, để phát huy hơn nữa tính tích cực đó bản thân mỗi giáo viên cần trau dồi, kiến thức, kỹ năng để có thể truyền cảm hứng cho HS trong các tiết học định hướng nghề nghiệp, để các em càng nhận ra được giá trị của công tác này mà chủ động, tích cực tham gia, qua đó giảm bớt khó khăn cho chính các em trong định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Ngoài ra, khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện qua hành vi còn thể hiện trong việc lựa chọn nghề nghiệp, các em còn lúng túng, mất phương hướng hoang mang không biết chọn ngành nghề nào phù hợp với mình. Mỗi học sinh có đặc điểm riêng và hoàn cảnh riêng khác nhau nên các khó khăn tâm lý của các em khi gặp phải trong việc lựa chọn cho mình nghề nghiệp cũng rất khác nhau. Tuy nhiên khi khảo sát chúng tôi nhận thấy hầu hết các em đều đang lúng túng trong việc chọn nghề. Điều này được thể hiện qua ý kiến: *“Em không đủ tự tin để tự chọn cho mình một ngành nghề riêng”* với điểm trung bình (3.13) có tỷ lệ 35% học sinh có câu trả lời là đúng hoặc gần đúng và 37.7% học sinh đang băn khoăn lựa chọn phương án nửa đúng nửa sai. Đặc biệt với nhận định: *“Em rất lúng túng trong việc lựa chọn ngành thi, trường thi vì ngành nghề quá đa dạng và phong phú”* với điểm trung bình (3.73) ở mức 4- khó khăn cao. Ở ý kiến này có tới 59.3% tỷ lệ học sinh có câu trả lời là đúng, gần đúng và 29.3 % học sinh cho

rằng ý kiến này nửa đúng nửa sai. Qua 2 ý kiến trên đã đủ thấy học sinh đang gặp rất nhiều khó khăn tâm lý trong việc lựa chọn ngành nghề cho bản thân. Phần nhiều học sinh còn lúng túng, thiếu tự tin không biết nên chọn ngành nghề nào để theo học bởi hiện nay ngành nghề trong xã hội rất đa dạng và phong phú. Chính vì vậy, giáo viên, hay những người làm công tác định hướng nghề nghiệp cần phải có những kiến thức, kỹ năng thật tốt về định hướng nghề nghiệp mới có thể giúp các em vượt qua khó khăn và để các em có thể lựa chọn cho mình một ngành nghề phù hợp cho tương lai.

Ngoài khó khăn trong việc lựa chọn nghề do chính bản thân của học sinh gây ra thì khó khăn đó đang còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác. Cụ thể khi đưa ra ý kiến: *“Việc chọn nghề nghiệp là do em quyết định không chịu ảnh hưởng từ yếu tố nào”* với điểm trung bình (2.86) thì kết quả chúng tôi thu được có tới 40,7 % học sinh đang phân vân chọn nửa đúng nửa sai, và có 32.7 % học sinh lựa chọn sai và phần lớn là sai. Hay với ý kiến: *“Gia đình có ảnh hưởng rất lớn tới việc lựa chọn ngành nghề của em”* có ĐTB là (3.84) tương ứng với mức 4 mức khó khăn khá cao. Trong đó có 44% tỷ lệ học sinh chọn phương án đúng và phần lớn là đúng, 35.7 % học sinh còn phân vân về vấn đề này Điều này chứng tỏ rằng học sinh THPT đang bị chi phối và gặp ảnh hưởng lớn từ phía gia đình trong việc chọn nghề nghiệp. Bởi gia đình có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển tâm sinh lý của các em, phương thức giáo dục của gia đình khác với nhà trường. Cụ thể gia đình chăm sóc các em bằng tình yêu thương ruột thịt. Người lớn tiếp xúc với các em bằng hình thức trực tiếp và thường xuyên. Cha mẹ được xem là người có trách nhiệm chính trong việc giáo dục chung và định hướng nghề nghiệp cho các em nói riêng. Nhiều gia đình đưa ra những áp lực bắt các em phải làm theo sự định hướng của gia đình khiến các em gặp không ít khó khăn trong định hướng và lựa chọn ngành nghề theo học

3.1.3. *Mối tương quan giữa các khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông*



Sơ đồ 1: Mối tương quan giữa các mặt biểu hiện trong định hướng nghề nghiệp

Qua phân tích tương quan giữa các khía cạnh biểu hiện KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT huyện Trục Ninh cho thấy chỉ có mối tương quan thuận, có ý nghĩa. Cụ thể từng cặp biến số Nhóm KKTL trong thái độ và KKTL trong nhận thức có $r=0.200$ và Nhóm KKTL trong nhận thức và KKTL trong hành vi là $r=0.450$ cho thấy độ tương quan có ý nghĩa ở mức $p<0.01$. Còn nhóm KKTL trong thái độ và KKTL trong hành vi thì độ tương quan cũng rất có ý nghĩa nhưng ở mức $p<0.05$. Những số liệu này cho thấy nếu học sinh gặp ít khó khăn trong mặt này thì KKTL trong mặt kia cũng giảm đáng kể. Ngược lại khi KKTL ở mặt nào đó tăng lên thì các mặt còn lại cũng tăng lên. Đặc biệt giữa nhận thức và hành vi. Vậy KKTL thể hiện ở 3 mặt: nhận thức, thái độ, hành vi tạo thành một tổ hợp đặc trưng của KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT. Điều đó được lý

giải như sau: Nếu HS thiếu kiến thức về nghề nghiệp, hiểu không rõ về nghề nghiệp sẽ dẫn đến thái độ lo lắng, thiếu tự tin khi lựa chọn nghề nghiệp, các em sẽ lúng túng trong việc chọn nghề. Vì vậy, để cải thiện hành vi, HS cần được cung cấp đầy đủ thông tin về nghề nghiệp qua công tác hướng nghiệp ở trường, bản thân các em cũng chủ động tìm kiếm thông tin qua hỗ trợ của phương tiện đại chúng, sự tư vấn của gia đình, bạn bè,...

3.2. Định hướng nghề nghiệp tương lai của học sinh trung học phổ thông

3.2.1 Dự định về nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp THPT của học sinh

Những dự định nghề nghiệp của học sinh chỉ có thể được thực hiện sau khi tốt nghiệp THPT. Một trong những biểu hiện tập trung nhất của việc định hướng nghề nghiệp của các em chính là việc thực hiện những định hướng đã đặt ra sau khi tốt nghiệp. Chúng tôi đã khảo sát và kết quả thu được trình bày trong bảng 3.5.

Bảng 3.5: Dự định nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của học sinh THPT

Dự định	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Nộp hồ sơ đại học cao đẳng, nếu không đỗ năm sau thi lại	184	61.3
2. Nộp hồ sơ đại học, cao đẳng nếu không đỗ học TC chuyên nghiệp hoặc nghề	55	18.3
3. Học trung cấp chuyên nghiệp hoặc học nghề	13	4.3
4. Đi làm luôn	48	16.0

Từ số liệu ở bảng trên cho thấy: Sau khi tốt nghiệp THPT số học sinh nộp hồ sơ thi đại học, cao đẳng chiếm tỷ lệ cao nhất với 61.3 %; tiếp đến là số học sinh lựa chọn nộp hồ sơ đại học cao đẳng nếu không đỗ sẽ học trung cấp chuyên nghiệp hoặc học nghề chiếm 18.3%. Như vậy, đa số học sinh có nguyện vọng học đại học, cao đẳng sau khi tốt nghiệp. Qua thực tế cũng như trao đổi trực tiếp với học sinh cho thấy, có nhiều em có lực học trung bình nhưng cũng có dự định nộp hồ sơ thi đại học cao đẳng. Mặc dù các em đã

đánh giá được năng lực của bản thân, đã nhận thấy được sự khó khăn trong việc lựa chọn các trường đại học, cao đẳng nhất là với hình thức thi tuyển mới nhưng các em vẫn cứ nộp hồ sơ để tìm kiếm sự may rủi. Điều này gây ra một sự lãng phí rất lớn cho các em, cho gia đình và cả xã hội, đồng thời cũng gây khó khăn cho công tác tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng,...

Chỉ có 4.3% học sinh dự định học trung cấp chuyên nghiệp hoặc học nghề và 16% số học sinh trong diện điều tra có dự định đi làm luôn. Đây là kết quả cần được đặc biệt quan tâm khi đa số học sinh vẫn chưa có định hướng đúng về nghề nghiệp tương lai cho bản thân. Các em chưa nhận thức rõ về năng lực của bản thân để định hướng tốt cho việc quyết định chọn hệ đào tạo, chọn ngành nghề theo học. Ở đây, các em đang còn gặp một số khó khăn như hầu hết các bậc cha mẹ đều muốn cho con cái mình học đại học, cao đẳng vì học đại học với có tương lai, làm lao động tay chân thì thu nhập sẽ thấp không có cơ hội thăng tiến, bị coi thường,... hay cũng xuất phát từ chính bản thân mỗi học sinh. Nếu học nghề hoặc đi làm luôn thì các em thường cảm thấy tự ti, xấu hổ với bạn bè,... Đây cũng có thể được đánh giá là biểu hiện của nhận thức sai lệch, chưa đúng đắn hay cũng chính là những khó khăn tâm lý của các em trong việc định hướng nghề nghiệp. Chính vì vậy, nhà trường hay gia đình cần phải có những biện pháp để giúp đỡ định hướng cho các em để các em có thể nhìn nhận thức đúng đắn, khách quan về năng lực, điều kiện của bản thân trong định hướng cho nghề nghiệp tương lai.

3.2.2. Sự hiểu biết thông tin nghề nghiệp cơ bản hiện nay của học sinh THPT

Việc cung cấp cho học sinh THPT những thông tin về nghề nghiệp cơ bản trong xã hội hiện nay là một điều vô cùng cần thiết. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu trên chúng tôi đưa ra các nhóm ngành nghề để khảo sát sự hiểu biết của các em. Kết quả được trình bày ở bảng 3.6

Bảng 3.6: Hiểu biết của HS về thông tin các ngành nghề cơ bản

STT	Ngành nghề	Số lượng	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Sư phạm	142	47.3	2
2	Y, Dược	202	67.3	1
3	Tài chính ngân hàng	91	32	6
4	Xây dựng, kiến trúc, giao thông	85	26.7	9
5	Văn hóa nghệ thuật, giải trí	83	27.7	8
6	Công nghệ thông tin, ngoại ngữ, điện tử viễn thông	101	33.7	5
7	Công an, quân đội	113	37.7	4
8	Hàng hải	27	9	12
9	Kinh tế, đối ngoại	117	39	3
10	Quản trị kinh doanh	88	29.3	7
11	Luật	66	22	10
12	Ngành xã hội học	41	13.7	11

Nhìn vào cột xếp hạng có thể thấy sự hiểu biết của các em có sự tập trung vào các ngành nghề như ngành y, dược với 202 học sinh lựa chọn chiếm 67.3%, tiếp đến là ngành sư phạm (giáo viên) với 142 lượt lựa chọn chiếm 47.3 % Số HS có thông tin về ngành kinh tế, đối ngoại chiếm tỷ lệ 39% và ngành công an, quân đội là sự lựa chọn của 37.7 %. Số HS có hiểu biết về những ngành nghề trên chiếm tỷ lệ nhiều nhất bởi vì có thể theo quan điểm của các em đây là những ngành nghề cơ bản nhất trong xã hội hiện nay. Ngoài việc các em được tìm hiểu qua bài học, qua sách vở, các em còn rất dễ nhận thấy và tìm hiểu trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hoặc các em tìm hiểu nhiều về các ngành nghề này là do các em có nhu cầu tìm hiểu về chúng xem có phù hợp với các em hay không? Ngoài ra, còn một số nhóm ngành nghề các em dành ít sự quan tâm như ngành Hàng hải với 27 lượt lựa chọn chiếm 9% đặc biệt sự lựa chọn ngành này phần nhiều là các bạn nam. Qua

phỏng vấn trực tiếp lý do là làm nghề hàng hải phải sống xa gia đình, sống trên biển chịu nhiều vất vả nên các em không tìm hiểu và cũng không có nguyện vọng theo học. Ngoài ra, ngành Xã hội học số HS quan tâm tìm hiểu khá khiêm tốn, chiếm tỷ lệ 13.7%. Ngành xã hội học là ngành của khối C với những môn học thuộc mà các em quan niệm rất khó học, chính vì vậy học sinh rất ít để ý đến, tâm lý sợ học thuộc nên nhiều em đã lựa chọn khối A. Đây cũng là những hiểu biết chưa thực sự đúng đắn của HS.

Nhìn chung, các em cũng đã có những sự hiểu biết nhất định về một số ngành nghề cơ bản. Tuy nhiên, trong công tác hướng nghiệp ở Nhà trường, nhà giáo dục cần cung cấp thêm cho các em đầy đủ thông tin về mỗi nghề, nét đặc trưng của từng ngành nghề xã hội để các em có sự định hướng hợp lý nhất cho tương lai của mình.

3.2.3. Những lý do chọn nghề của học sinh trung học phổ thông

Chọn nghề là một công việc lâu dài, khó khăn và không hề đơn giản nó đòi hỏi mỗi cá nhân phải dành nhiều thời gian, công sức để tìm hiểu và lựa chọn ra một lĩnh vực nghề nghiệp mà bản thân có nhiều cơ hội để theo đuổi và mang lại cho mình nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc trong cuộc sống. Tuy nhiên, trên thực tế, việc chọn nghề của các bạn học sinh THPT hiện nay lại mang nặng tính thực dụng như: nghề dễ xin việc, có thu nhập cao, ổn định, được xã hội đề cao chứ các bạn chưa chú ý nhiều tới ý nghĩa xã hội, giá trị của nghề nghiệp cũng như sự phù hợp của nghề với đối tượng năng lực và nguyện vọng của bản thân. Để tìm hiểu lý do chọn nghề nghiệp của học sinh thuộc phạm vi nghiên cứu này chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả như sau. Nhìn vào bảng 3.7 ta thấy có 245/300 (chiếm tỷ lệ 81.7%) lượt học sinh lựa chọn nghề xuất phát vì lý do là phù hợp với năng lực, sở trường, hứng thú, nhu cầu của bản thân. Kết quả này phản ánh nhận thức khá đúng đắn của học sinh

Bảng 3.7: Lý do chọn nghề nghiệp của học sinh THPT

STT	Lý do chọn nghề	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Phù hợp với năng lực, sở trường, hứng thú, nhu cầu của bạn thân.	245	81.7
2	Thấy bạn bè và nhiều người chọn thì làm theo	18	6
3	Có thu nhập cao và nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm	195	65
4	Do gia đình định hướng	106	35.3
5	Thấy được ý nghĩa của nghề	107	35.7
6	Nghề có chi phí học tập thấp	27	9
7	Nghề có thời gian theo học ngắn	14	4.7
8	Nghề được xã hội đề cao	81	27
9	Ý kiến khác	9	3

Tuy nhiên, nhận thức đúng nhưng chưa hẳn có hành vi đúng, nhiều HS vẫn biết năng lực học tập của mình ở mức trung bình, khó có khả năng đỗ đại học nhưng các em quyết định thi đại học mà không học trung cấp hay trường dạy nghề. Phải chăng các em còn bị ảnh hưởng bởi tâm lý sĩ diện, thi theo phong trào,... Một lý do cũng được nhiều học sinh lựa chọn (chiếm tỷ lệ 65%) là yếu tố thu nhập và nhiều cơ hội việc làm. Thực tế, ngành nghề xã hội ngày càng được mở rộng, phát triển, nhiều ngành nghề được liên doanh, liên kết với nước ngoài nên người lao động được hưởng mức lương cao, thu nhập cao thu hút, hấp dẫn người lao động nên HS đưa ra lý do về thu nhập cũng là điều dễ hiểu. Mặt khác, hiện nay, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường thất nghiệp cao, nhiều sinh viên khi ra trường phải làm những công việc không đúng chuyên ngành đào tạo. Đây là một sự lãng phí rất lớn về công sức, thời gian và tiền của. Vì vậy, việc hướng tới những nghề nghiệp dễ xin việc cũng là lý do nhiều HS quan tâm trước khi theo học. Tuy nhiên, nếu học sinh quá coi trọng lý do vật chất, đặt nặng kinh tế sẽ dẫn đến những sai lầm trong việc lựa chọn nghề.

Ngoài ra, lý do ảnh hưởng từ phía gia đình cũng có tỷ lệ học sinh lựa chọn đáng kể với 35.3 %. Hiện nay, học sinh THPT được sự hậu thuẫn rất lớn từ phía gia đình. Cha mẹ là người luôn quan tâm đến con cái, vì vậy mà việc định hướng nghề nghiệp của các em cha mẹ không thể đứng ngoài lề. Tuy nhiên, cha mẹ chỉ nên định hướng giúp con cái mình có sự lựa chọn đúng đắn, chứ không nên áp đặt hay quyết định thay con cái mình. Bởi nếu áp đặt thái quá sẽ gây áp lực chọn con, từ đó sẽ tạo ra những khó khăn tâm lý cho các em dẫn đến việc chọn nghề sai, chọn nghề không phù hợp. Học sinh chỉ nên tham khảo ý kiến của gia đình, cha mẹ trong việc quyết định nghề nghiệp không nên phụ thuộc hoàn toàn vào sự định hướng, áp đặt của gia đình. Muốn thế, các em phải chủ động, tích cực tìm hiểu nghề nghiệp và xác định rõ khả năng của mình mới có thể có sự lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp tương lai.

Ngoài những lý do trên còn một số lý do như thấy bạn bè và nhiều người chọn thì làm theo, nghề có chi phí học tập thấp, nghề có thời gian theo học ngắn,... Tuy nhiên số HS đưa ra những lý do này chiếm tỷ lệ không đáng kể. Điều này phản ánh sự tự lập, độc lập suy nghĩ của các em. Học sinh không bị chi phối nhiều bởi những lý do trên.

3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

Để tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT, chúng tôi đã nghiên cứu và chia ra 2 phần đó là yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan. Kết quả được trình bày ở bảng 3.8 và 3.9

3.3.1 Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy việc gặp phải KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT là do nhiều yếu tố khác nhau từ chính

bản thân học sinh. Ảnh hưởng của các yếu tố này là không đều. Kết quả khảo sát cho thấy ở yếu tố chủ quan ảnh hưởng nhiều nhất đến KKTL trong định hướng nghề nghiệp học sinh THPT là *“Do bản thân chưa có nhiều kiến thức kinh nghiệm liên quan đến các nghề nghiệp xã hội”* với ĐTB là (2.3) xếp vị trí thứ 1. Thực tế cho thấy các em rất muốn định hướng cho mình một nghề nghiệp nhất định nhưng sự hiểu biết về nghề nghiệp còn hạn chế thêm vào đó là những suy nghĩ khi không biết là học ngành này, nghề này thì sau này sẽ làm gì? làm ở đâu?...Chính yếu tố này sẽ gây ra những ảnh hưởng tâm lý khiến các em cảm thấy thực sự khó khăn. Trao đổi với chúng tôi học sinh Nguyễn Văn Nam lớp 11E trường THPT Đoàn Kết cho biết: *“Việc có ít kiến thức kinh nghiệm về nghề nghiệp trong xã hội hiện nay khiến cho chúng em lúng túng trong quá trình định hướng nghề nghiệp cho bản thân mình”* Qua tìm hiểu và trao đổi chúng tôi cũng thấy rằng các em còn đang gặp rất nhiều những khó khăn trong việc được cung cấp thông tin về nghề nghiệp. Đây cũng là yếu tố chủ chốt gây ra những yếu tố tiếp theo. Với hai yếu tố: *“Do cá nhân chưa xác định rõ ràng sự cần thiết của công tác ĐHNN đối với việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai”* và *“do cá nhân thiếu tự tin trong việc đưa ra ý kiến, định hướng của mình về nghề nghiệp trong tương lai”* lần lượt với ĐTB là (3.0) và (3.17) xếp vị trí số 2 và số 3. Kết quả phản ánh trên cho thấy, các em chưa có nhiều kiến thức, thiếu thông tin liên quan đến nghề nghiệp xã hội đã dẫn đến sự nhận thức sai lầm khi không thể xác định được sự cần thiết của định hướng nghề nghiệp và việc thiếu quan tâm, thờ ơ hoặc coi thường việc định hướng nghề nghiệp.

Ngoài ra, các yếu tố khác như không có ý thức trau dồi kiến thức về định hướng nghề nghiệp hay bản thân chưa thực sự tích cực trong các giờ định hướng nghề nghiệp cũng ảnh hưởng nhất định đến việc định hướng nghề nghiệp của các em.

Như vậy, với kết quả nghiên cứu thực tiễn chúng ta có thể thấy được yếu tố chủ quan mà học sinh cần chú trọng đó là cần trau dồi thêm kiến thức, kỹ năng cho học sinh trong định hướng nghề, qua đó các em có thể đánh giá được sự cần thiết, tầm quan trọng của việc định hướng nghề nghiệp. Các em có thể tự tin lựa chọn nghề nghiệp tương lai của mình.

3.3.2. Yếu tố khách quan ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

Dưới đây là kết quả thu được khi nghiên cứu về những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT. Nhìn vào số liệu trong bảng 3.9 yếu tố khách quan nổi bật ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT tập trung vào vấn đề: *“Do phương pháp của giáo viên thực thực hiện trong các buổi ĐHNN chưa tạo hứng thú cho học sinh”* với ĐTB là (3.75) xếp vị trí thứ 1. Qua đây cho thấy được tầm quan trọng của giáo viên trong việc định hướng nghề nghiệp.

Bảng 3.8: Ảnh hưởng của những yếu tố chủ quan

Các yếu tố	Mức độ							ĐTB	Thứ bậc
	1	2	3	4	5	6	7		
1. Do bản thân chưa có nhiều kiến thức kinh nghiệm liên quan đến các nghề nghiệp xã hội	40.7	17.3	25.7	8.7	4.3	1.7	1.7	2.3	1
2. Do cá nhân chưa xác định rõ ràng sự cần thiết của công tác ĐHNN đối với việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai	17.0	35.0	16.3	13.3	10.7	10.3	3.0	3.0	2
3. Do ý thức tham gia các buổi hoạt động ĐHNN ở trường của bản thân còn kém	5.3	15.7	18.0	6.3	19.0	19.0	16.7	4.42	5
4. Do cá nhân thiếu tự tin trong việc đưa ra ý kiến, định hướng của mình về nghề nghiệp trong tương lai	28.3	7.3	17.3	26.0	10.0	6.7	4.0	3.17	3
5. Do bản thân thiếu ý thức trong việc trau dồi kiến thức về ĐHNN	5.3	12.0	16.3	22.7	32.0	4.3	7.3	4.06	4
6. Do bản thân chưa tích cực, chủ động trong các buổi hoạt động ĐHNN	0	10.0	9.0	14.7	11.7	43.7	11.0	5.03	6
7. Do cá nhân có thái độ thờ ơ, thiếu hợp tác trong các buổi hoạt động ĐHNN	3.0	6.0	1.3	5.3	12.3	14.3	57.7	5.92	7
ĐTB chung								3.99	

** Ghi chú: 1 là ảnh hưởng nhiều nhất, 7 là ít ảnh hưởng nhất*

Ở đây, giáo viên không chỉ cung cấp đơn thuần kiến thức về các khối thi, điểm thi mà còn phải cho học sinh thấy tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp, từ đó giúp học sinh có thể chọn cho mình một ngành nghề nhất định phù hợp với sở trường năng lực. Để tìm hiểu thực trạng ở vấn đề này chúng tôi cũng theo dõi thực tế ở các buổi định hướng nghề nghiệp ở trường và nhận thấy không khí của buổi học rất trầm, không sôi nổi hầu hết các thông tin của giáo viên đưa ra rất chung chung, dàn trải không rõ ràng và chỉ tập trung cung cấp các thông tin về khối thi điểm thi. Chính vì vậy, khi đưa ra 2 yếu tố: *“Do thông tin nghề nghiệp cung cấp dàn trải, không rõ ràng”* và *“Do phần lớn nội dung của hoạt động ĐHNN chỉ cung cấp thông tin cơ bản về khối thi, điểm thi”* thì các em đánh giá, xếp thứ lần lượt vị trí thứ 2 và 3. Ở các yếu tố ảnh hưởng nhiều đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp.

Ngoài ra các yếu tố nói trên, còn một số yếu tố gây ra khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp. Cụ thể như do hình thức tổ chức hay thời gian tổ chức hoạt động. Yếu tố nữa đó là do gia đình, bạn bè,... cũng một phần tác động đến tâm lý trong việc định hướng nghề nghiệp cho các em.

Nhìn chung, các yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh được đưa ra ở trên, hầu như đã được các em đánh giá rất tích cực. Điều đó chứng tỏ, các yếu tố trên đều ảnh hưởng ít nhiều đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT. Tuy nhiên khi so sánh kết quả ĐTB của 2 yếu tố chúng ta có thể nhận thấy yếu tố chủ quan có ĐTB 3.99, yếu tố khách quan có ĐTB 4.5. Điều đó chứng tỏ yếu tố chủ quan là yếu tố nổi trội tác động mạnh đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT.

Bảng 3.9: Ảnh hưởng của những yếu tố khách quan

Các yếu tố	Mức độ								ĐTB	Thứ bậc
	1	2	3	4	5	6	7	8		
1. Do phương pháp của giáo viên thực thực hiện trong các buổi ĐHNN chưa tạo hứng thú cho học sinh	22.7	21.0	9.0	7.3	8.7	2.7	4.3	14.3	3.75	1
2. Do hình thức tổ chức các buổi ĐHNN còn đơn điệu	15.3	23.3	13.3	4.3	4.0	19.7	14.7	5.3	4.03	4
3. Do thời gian tổ chức không phù hợp ảnh hưởng đến việc học văn hóa	10.3	13.3	31.7	7.7	27.0	14.3	7.0	3.0	4.15	5
4. Do thông tin nghề nghiệp cung cấp dàn trải, không rõ ràng	17.3	8.7	14.0	27.0	17.0	4.0	10.0	2.0	3.8	2
5. Do phần lớn nội dung của hoạt động ĐHNN chỉ cung cấp thông tin cơ bản về khối thi, điểm thi	18.0	14.3	6.0	14.7	24.7	7.3	7.0	3.0	3.84	3
6. Do áp đặt từ phía gia đình trong việc ĐHNN	6.0	7.3	12.7	9.7	5.7	34.3	10.7	13.7	5.16	7
7. Do ảnh hưởng từ các thông tin đại chúng gây nhiễu vì khó xác định rõ thông tin đúng sai (báo, đài, internet...)	5.7	9.0	10.0	20.0	1.3	15.0	31.7	7.3	5.11	6
8. Do ảnh hưởng từ sự đua theo bạn bè trong ĐHNN	4.7	3.0	3.3	4.3	26.0	2.7	14.7	41.3	6.17	8
ĐTB Chung									4.5	

**Ghi chú: 1 là ảnh hưởng nhiều nhất, 8 là ít ảnh hưởng nhất*

3.3.3. Các yếu tố dự báo mức độ khó khăn tâm lý của học sinh trong định hướng nghề nghiệp

Bảng 3.10: Các yếu tố dự báo mức độ khó khăn tâm lý trong ĐHNN của HS

Các yếu tố đơn nhất	R	F
Các yếu tố chủ quan :		
1. Do bản thân chưa có nhiều kiến thức kinh nghiệm liên quan đến các nghề nghiệp xã hội	0.196	2.87**
2. Do cá nhân chưa xác định rõ ràng sự cần thiết của công tác ĐHNN đối với việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai	0.183	2.69**
3. Do ý thức tham gia các buổi hoạt động ĐHNN ở trường của bản thân còn kém	0.138	1.97*
4. Do cá nhân thiếu tự tin trong việc đưa ra ý kiến, định hướng của mình về nghề nghiệp trong tương lai	0.103	1.40*
5. Do bản thân thiếu ý thức trong việc trau dồi kiến thức về ĐHNN	0.165	2.14**
6. Do bản thân chưa tích cực, chủ động trong các buổi hoạt động ĐHNN	0.129	3.12**
7. Do cá nhân có thái độ thờ ơ, thiếu hợp tác trong các buổi hoạt động ĐHNN	0.099	4.95**
Các yếu tố khách quan		
1. Do phương pháp của giáo viên thực hiện trong các buổi ĐHNN chưa tạo hứng thú cho học sinh	0.186	2.66**
2. Do hình thức tổ chức các buổi ĐHNN còn đơn điệu	0.181	2.93**
3. Do thời gian tổ chức không phù hợp ảnh hưởng đến việc học văn hóa	0.010	1.62*
4. Do thông tin nghề nghiệp cung cấp dàn trải, không rõ ràng	0.131	1.49*
5. Do phần lớn nội dung của hoạt động ĐHNN chỉ cung cấp thông tin cơ bản về khối thi, điểm thi	0.119	2.15**
6. Do áp đặt từ phía gia đình trong việc ĐHNN	0.176	2.38**
7. Do ảnh hưởng từ các thông tin đại chúng gây nhiễu vì khó xác định rõ thông tin đúng sai (báo, đài, internet...)	0.098	1.89*
8. Do ảnh hưởng từ sự đua đòi theo bạn bè trong ĐHNN	0.140	2.13*
Nhóm các yếu tố		
1. Nhóm yếu tố khách quan	0.136	3.91*
2. Nhóm yếu tố chủ quan	0.289	2.99*

Ghi chú: F* khi $P < 0.05$, F** khi $p < 0.01$

Qua phân tích các yếu tố chủ quan và khách quan riêng lẻ cho thấy chúng đều có khả năng dự báo mức độ khó khăn tâm lý của học sinh trong định hướng nghề nghiệp. Cụ thể: với yếu tố chủ quan thì yếu tố *“Do bản thân chưa có nhiều kiến thức kinh nghiệm liên quan đến các nghề nghiệp xã hội”* có khả năng dự báo cao nhất, dự báo 19.6% mức độ khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp, yếu tố *“Do ý thức tham gia các buổi hoạt động ĐHNN ở trường của bản thân còn kém”* có khả năng dự báo cao thứ 2, có khả năng dự báo 18.3%.

Trong các yếu tố khách quan, yếu tố *“Do phương pháp của giáo viên thực thực hiện trong các buổi ĐHNN chưa tạo hứng thú cho học sinh”* có khả năng dự báo cao nhất đến mức độ khó khăn tâm lý của học sinh trong định hướng nghề nghiệp và có khả năng dự báo 18.6%. Yếu tố *“Do hình thức tổ chức các buổi ĐHNN còn đơn điệu”* có khả năng dự báo cao thứ 2 là 18.1%.

Qua phân tích nhóm các yếu tố chủ quan, khách quan đến mức độ khó khăn tâm lý trong ĐHNN của học sinh cho thấy chúng có khả năng dự báo cao hơn các yếu tố riêng lẻ; nhóm yếu tố chủ quan có khả năng dự báo cao hơn nhóm yếu tố khách quan. Cụ thể là nhóm các yếu tố chủ quan có khả năng dự báo là 31.6%; nhóm các yếu tố khách quan có khả năng dự báo là 28.9%. Đây là kết quả khá thú vị về các yếu tố ảnh hưởng góp phần khẳng định rằng những khó khăn tâm lý trong ĐHNN của học sinh là khá đa dạng, cả chủ quan và khách quan. Nhưng yếu tố chủ quan vẫn là yếu tố có ảnh hưởng rõ nét nhất.

Tiểu kết chương 3

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định ở mức tương đối khó khăn với ĐTB chung là 2.83. KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh biểu hiện trên cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Trong ba mặt biểu hiện của KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT thì biểu hiện hành vi thể hiện rõ nét nhất với ĐTB là 2.88, sau đó đến KKTL biểu hiện ở mặt nhận thức là 2.82, biểu hiện KKTL đạt ĐTB thấp nhất trong ba mặt biểu hiện với ĐTB là 2.78. Giữa các mặt biểu hiện KKTL của học sinh có sự tương quan, đặc biệt khá chặt giữa nhận thức và hành vi.

Khi xét KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định biểu hiện ở mặt nhận thức và thái độ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giới tính nam - nữ và có hệ số khác biệt $P < 0.05$. Về mặt hành vi giữa học sinh nam và nữ thì không có sự khác biệt. Ngoài ra, khi xét KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh giữa các khối lớp biểu hiện qua mặt nhận thức, thái độ, hành vi thì đều nhận thấy có sự khác biệt với hệ số khác biệt $P < 0.05$.

Kết quả nghiên cứu nhu cầu nguyện vọng của học sinh THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định sau khi tốt nghiệp THPT cho thấy hầu hết các em đều có nguyện vọng nộp hồ sơ học đại học, cao đẳng, chỉ có số học sinh chiếm tỷ lệ thấp chọn học trung cấp hay đi học nghề. Ngoài ra, khi tìm hiểu về sự hiểu biết của các em về các ngành nghề trong xã hội hiện nay thì đa phần các em đã biết về hiểu về những ngành nghề cơ bản như: y, dược; sư phạm hay công an bộ đội và kinh tế,... Lý do được học sinh đưa ra khi chọn nghề nghiệp phần lớn các em chọn lý do phù hợp với năng lực, sở trường, hứng thú, nhu cầu của bạn thân hay thấy được ý nghĩa của ngành nghề mình đã chọn.

KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định chịu ảnh hưởng nhiều từ yếu tố chủ quan và khách quan: Do bản thân chưa có nhiều kiến thức kinh nghiệm liên quan đến các nghề nghiệp xã hội, do cá nhân chưa xác định rõ ràng sự cần thiết của công tác ĐHNN đối với việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai, do cá nhân thiếu tự tin trong việc đưa ra ý kiến, định hướng của mình về nghề nghiệp trong tương lai hay với yếu tố khách quan đó là do phương pháp giảng dạy của giáo viên không hiệu quả, thông tin về nghề nghiệp còn ít, ảnh hưởng từ phía gia đình, bạn bè,...

Các yếu tố chủ quan, khách quan riêng lẻ đều có khả năng dự báo mức độ khó khăn tâm lý của học sinh trong ĐHNN; nhóm các yếu tố có khả năng dự báo cao hơn các yếu tố riêng lẻ.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về lý luận

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT, chúng đưa ra một số khái niệm công cụ để nghiên cứu thực tiễn sau:

Khó khăn tâm lý là những biểu hiện tâm lý của chủ thể, nảy sinh trong quá trình hoạt động, gây cản trở, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình và hiệu quả hoạt động của chủ thể.

Khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT là những biểu hiện tâm lý của học sinh nảy sinh trong quá trình định hướng nghề nghiệp, gây cản trở, ảnh hưởng tiêu cực đến định hướng nghề nghiệp biểu hiện cụ thể qua nhận thức, thái độ và hành vi của các em.

1.2. Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy về thực trạng KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT đều gặp phải ở mức khó khăn tương đối. Tuy nhiên, xét ở từng mức độ biểu hiện, khó khăn về mặt hành vi chiếm ưu thế tiếp đến là khó khăn về nhận thức và thái độ.

Khó khăn tâm lý ở mặt nhận thức biểu hiện qua 2 khía cạnh: Khó khăn tâm lý của học sinh THPT thể hiện trong nhận thức của học sinh về sự cần thiết và tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp; đặc biệt là sự thiếu hiểu biết của các em về thông tin nghề nghiệp, yêu cầu của nghề, lĩnh vực việc làm của nghề, xu thế phát triển của nghề.

Khó khăn tâm lý ở mặt thái độ biểu hiện qua 2 khía cạnh: Khó khăn tâm lý của học sinh THPT thể hiện trong thái độ tán thành định hướng nghề nghiệp và nổi trội hơn là khó khăn tâm lý của học sinh khi tiếp cận định hướng nghề nghiệp.

Khó khăn tâm lý ở mặt hành vi biểu hiện qua 2 khía cạnh: Tâm lý ngại thể hiện tính chủ động trong việc tìm hiểu lĩnh hội kiến thức định hướng nghề nghiệp và nổi trội hơn đó là khó khăn tâm lý của học sinh khi lựa chọn nghề nghiệp.

Khi so sánh sự khác biệt về KKTL của học sinh THPT huyện Trục Ninh biểu hiện ở mặt nhận thức, thái độ, hành vi chia theo giới tính và khối lớp cũng cho thấy sự khác khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Kết quả nghiên cứu nhu cầu nguyện vọng của các em sau khi tốt nghiệp THPT và sự hiểu biết của các em về các ngành nghề trong xã hội hiện nay cho thấy hầu hết các em đều chọn học đại học cao đẳng và hầu hết các em cũng đã có hiểu biết về các ngành nghề cơ bản. Ngoài ra, khi đưa ra những lí do lựa chọn các em đa phần cũng lựa chọn lí do vì nghề nghiệp phù hợp với năng lực sở trường của mình.

KKTL trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT cũng ảnh hưởng bởi khá nhiều yếu tố: chủ quan và khách quan như: thiếu hiểu biết, kinh nghiệm trong định hướng nghề nghiệp từ đó dẫn đến việc không xác định được tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp và khi chọn nghề sẽ gây ra việc thiếu tự tin. Hay những yếu tố khách quan như do phương pháp truyền đạt của giáo viên, do nội dung kiến thức còn chung chung và các yếu tố như gia đình, bạn bè,... Trong đó có thể thấy yếu tố chủ quan là nguyên nhân chiếm ưu thế dẫn đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT

2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, cùng với những ý kiến của học sinh THPT huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định chúng tôi xin đưa ra những kiến nghị nhằm giúp giảm bớt những khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả trong việc định hướng nghề nghiệp cho các em.

2.1. Về phía học sinh và gia đình

2.1.1. Về phía học sinh

Yếu tố quyết định đến hiệu quả trong định hướng nghề nghiệp của học sinh phụ thuộc chủ yếu ở các em. Vì vậy, để định hướng nghề nghiệp hiệu quả hơn học sinh cần:

- + Nâng cao ý thức trong định hướng nghề nghiệp, ý nghĩa của định hướng nghề nghiệp với bản thân, gia đình và xã hội. Xác định mục tiêu, động cơ trong định hướng nghề nghiệp một cách cụ thể phù hợp với bản thân mình. Tập trung nghiên cứu để định hướng cho mình một hướng đi đúng đắn ngay khi mới bước vào trường THPT, tránh chủ quan, trì hoãn, coi thường sẽ dẫn đến những khó khăn về tâm lý cho thời gian sau này.

- + Mạnh dạn nhìn nhận thực lực của bản thân, chủ động trao đổi với giáo viên và bạn bè để lựa chọn cho mình hướng đi tốt nhất cho bản thân sau này.

- + Chủ động tham gia các hoạt động, phong trào của trường, lớp trong khả năng và điều kiện của mình để tìm hiểu bổ sung cho mình những kiến thức về định hướng nghề nghiệp.

- + Chấp hành đúng quy định trong các tiết học định hướng nghề nghiệp, tích cực chăm chú nghe giảng. Chủ động phát biểu, đưa ra ý kiến của mình để từ đó có những nhận thức đúng hơn về sự cần thiết và tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp.

- + Chủ động chia sẻ trao đổi ý kiến với giáo viên và bạn bè để bổ sung thêm kiến thức định hướng nghề nghiệp. Ngoài ra, cần tích cực học tập rèn luyện, để khắc phục những khó khăn đã gặp phải trong định hướng nghề nghiệp. Tìm đến sự hỗ trợ của thầy cô, cha mẹ các anh chị khi thiếu thông tin về nghề nghiệp hay gặp bất kỳ rắc rối nào liên quan đến lựa chọn nghề nghiệp.

2.1.2. Về phía gia đình

Quan điểm và thái độ của gia đình có ảnh hưởng lớn đến KKTL của học sinh THPT trong định hướng nghề nghiệp. Gia đình luôn là những người

gần gũi con cái của mình nhất, các em cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hệ tư tưởng cũng như cách giáo dục của gia đình. Vì vậy, mà việc định hướng nghề nghiệp cho con cái của mình là việc vô cùng cần thiết. Cha mẹ cần theo sát con cái quan tâm, động viên chia sẻ để các em có thêm hiểu biết về định hướng nghề nghiệp. Từ đó giúp các em có nhận thức đúng đắn về định hướng hướng nghề nghiệp trong tương lai. Để làm được điều này các bậc phụ huynh cần tìm hiểu kiến thức về định hướng nghề nghiệp sau đó chia sẻ, tư vấn đúng đắn cho con mình. Ngoài ra, phụ huynh học sinh cũng cần phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc định hướng nghề nghiệp để có cái nhìn đúng nhất về năng lực của con mình. Từ đó đưa ra định hướng phù hợp nhất. Tránh tình trạng ép buộc bắt con cái theo ý kiến của gia đình.

2.2. Về phía nhà trường

2.2.1 Về phía nhà trường

Cần cải thiện cơ sở thiết bị dạy học, đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy học tốt hơn. Thay những trang thiết bị đã quá cũ, để học sinh có điều kiện để lĩnh hội kiến thức định hướng nghề nghiệp một cách tốt nhất.

Tạo điều kiện cho học sinh học hỏi và nghiên cứu nhiều hơn về định hướng nghề nghiệp. Tổ chức nhiều hoạt động thực tiễn như các buổi tọa đàm, hội thảo với sự tham gia của các chuyên gia của các ngành nghề về trao đổi với HS nhằm giúp các em có cái nhìn thực tế, đầy đủ về ngành nghề đó. Hay tổ chức các hoạt động cho học sinh đi thăm quan các cơ quan, nhà máy... để các em có thể hình dung và có thêm hiểu biết về các nghề nghiệp trong xã hội hiện nay.

Bổ sung nội dung giảng dạy cho giáo viên bằng cách mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn để giáo viên có thêm nhiều kiến thức kinh nghiệm giảng dạy giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

2.2.2. Về phía giáo viên

+ Tích cực bổ sung, nâng cao kiến thức trong định hướng nghề nghiệp. Có nhiều bài giảng hấp dẫn, lý thú, có nhiều thời gian thực hành trên lớp, tích cực đưa các hoạt động vào bài giảng để tiết học đỡ nhàm chán.

+ Giáo viên cần hướng dẫn học sinh tìm hiểu về định hướng nghề nghiệp thông qua các nguồn thông tin khác nhau như sách báo, internet...

+ Hỗ trợ kịp thời khi học sinh cần sự giúp đỡ về thông tin, phân tích về nghề nghiệp.

+ Cải tiến phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận lấy người học làm trung tâm, nhiệt tình, tận tâm hơn. Phải có những phương pháp để định hướng nghề nghiệp cho từng đối tượng học sinh. Giảng kiến thức kết hợp với thực tế và lồng ghép những tình huống thực tế, hài hước góp phần nâng cao hứng thú học tập những tiết định hướng nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Binaka Zazzo (1990), *Bước chuyển từ mẫu giáo lên lớp 1* (2 tập), Trung tâm nghiên cứu NT biên soạn.
2. Trương Thanh Chí (2011), *Khó khăn tâm lý trong công tác tham vấn học đường tại Thành Phố Hồ Chí Minh*, luận văn Thạc sĩ, Trường ĐHSP TPHCM.
3. Phạm Huy Cường (2009), *Các yếu tố tác động đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên năm cuối ngành khoa học xã hội*, luận văn thạc sĩ. Trường ĐHKHXH&NV HN.
4. Phạm Tất Dong cùng đồng sự (2004), *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12*, NXB Giáo dục.
5. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Từ điển bách khoa
6. E.V.Sucanova (1987), *Những khó khăn của giao tiếp liên nhân cách*
7. Vũ Ngọc Hà (2009), *Khó khăn tâm lý của học sinh đầu lớp 1*, luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
8. Nguyễn Minh Hải (1995), *Những khó khăn tâm lý trong quá trình giải toán của học sinh tiểu học*, Tạp chí nghiên cứu Giáo dục (2), tr.25.
9. Nguyễn Văn Hộ (1998), *Cơ sở phát triển công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Dương Thị Diệu Hoa, (2008), *Khó khăn tâm lý và nhu cầu tham vấn của học sinh trung học phổ thông*, Tạp chí Tâm lý học (số 2), tr.36-42.
11. Nguyễn Thị Thiên Kim (2007), *Khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm nhất đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, luận văn Thạc sĩ, Trường ĐHSP TPHCM.
12. Cao Xuân Liễu (2006), *Một số khó khăn tâm lý trong học tập của học sinh lớp 1 người dân tộc K'Ho ở Lâm Đồng*, luận văn Thạc Sĩ, Trường ĐHSP TPHCM.

13. Nguyễn Thị Nhất (1992), *6 tuổi vào lớp 1*, NXB Kim Đồng.
14. Petrovski A.V (1987), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, (tập 2) NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Nguyễn Thanh Sơn (1998), *Những khó khăn của học sinh miền núi khi học tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục.
16. Nguyễn Xuân Thúc (2004), “*Các nguyên nhân dẫn đến khó khăn tâm lý của học sinh đi học lớp một*” *Tạp chí tâm lý học* (2), tr.32-35.
17. Nguyễn Khắc Viện (1993), *Nỗi khổ của con em chúng ta*, NXB Trẻ.
18. Nguyễn Như Ý (1998), *Từ điển tiếng việt thông dụng*, NXB Giáo dục.
19. V.A.Cancalic (1987), *Nhân cách sư phạm của giáo viên*, NXB Giáo dục.
20. Viện Ngôn Ngữ Học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
21. Viện Ngôn Ngữ Học (1993), *Từ điển Anh Việt*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Khác

22. <http://vi.wikipedia.org>

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA

Các em học sinh thân mến! Định hướng nghề nghiệp là quá trình giáo dục học sinh trong việc lựa chọn nghề. Qua đó, trang bị cho các em những kiến thức, kỹ năng nhằm giúp các em có thể tự quyết định được nghề nghiệp của mình trong tương lai.

Xin các em, hãy thể hiện sự hiểu biết của mình về những vấn đề sau bằng cách khoanh tròn vào các đáp án hoặc đánh dấu X vào các ô tương ứng. Tham gia trả lời câu hỏi góp phần giúp các em có thêm những hiểu biết nhất định về định hướng nghề nghiệp. Cảm ơn sự hợp tác tích cực của em!

C1. Em có gặp khó khăn khi tham gia công tác định hướng nghề nghiệp không?

1. Có 2. Không

Nếu “có” thì khó khăn tập trung vào?

1. Khó khăn bên ngoài (từ giáo viên, hình thức tổ chức....)
2. Khó khăn từ bản thân (suy nghĩ, thái độ và hành vi của mình....)
3. Cả 2 phương án trên.

C2. Em gặp khó khăn về vấn đề nào trong việc định hướng nghề nghiệp?

1. Thông tin về nghề nghiệp còn ít
2. Công tác định hướng nghề nghiệp chưa hiệu quả
3. Gia đình không ủng hộ sự lựa chọn nghề nghiệp của bạn.
4. Rào cản về tâm lý cá nhân (không tự tin về khả năng của mình, không có hứng thú, hiểu mơ hồ về các ngành nghề, lúng túng trong định hướng ngành nghề theo học...)

C3. Với cá nhân em việc định hướng nghề nghiệp quan trọng như thế nào?

1. Rất quan trọng 2. Quan trọng 3. Bình thường 4. Không quan trọng

C4. Em hãy đọc kỹ câu dưới đây và trả lời bằng cách tích dấu X vào phương án đúng hoặc gần đúng nhất với bạn

Phương án trả lời Các nhận định	Hoàn toàn sai	Phần lớn là sai	Nửa đúng nửa sai	Phần lớn là đúng	Hoàn toàn đúng
1. Định hướng nghề nghiệp là một hoạt động hay nhưng chưa cần thiết đối với học sinh					
2. Tìm hiểu định hướng nghề nghiệp từ đài, báo, internet là đủ. Không cần thiết là phải đưa vào trong trường học					
3. Định hướng nghề nghiệp cung cấp thông tin về nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp trong tương lai.					
4. Học văn hóa đã quá lắm rồi, thêm định hướng nghề nghiệp thì chương trình quá tải.					
5. Hoạt động định hướng nghề nghiệp giúp HS có cơ sở lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích					
6. Định hướng nghề nghiệp hạn chế sai lầm trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai					
7. Học sinh không cần tham khảo kênh nào khác vì đã có thông tin từ công tác định hướng nghề nghiệp ở trường					
8. Định hướng nghề nghiệp chỉ làm tốn thời gian và công sức, việc lựa chọn nghề nghiệp là của cá nhân mỗi người					
9. Định hướng nghề nghiệp là cần thiết với học sinh trong công tác chọn ngành					

nghề để học					
10. Tham gia hoạt động định hướng nghề nghiệp học sinh chắc chắn sẽ chọn được ngành nghề phù hợp.					
11. Chỉ những ai suy nghĩ lạc hậu, cổ hủ mới nói rằng học sinh không cần có hoạt động định hướng nghề nghiệp					
12. Em rất muốn tìm hiểu những kiến thức về định hướng nghề nghiệp					
13. Em muốn định hướng nghề nghiệp là hoạt động được dạy chính trong nhà trường					
14. Những lúc rảnh rỗi em thường tìm hiểu về định hướng nghề nghiệp					
15. Việc định hướng nghề nghiệp tính sau bây giờ điều cần thiết là tập trung cho học tập					
16. Nghe mọi người nói và phương tiện thông tin đại chúng nói nhiều về định hướng nghề nghiệp em cũng muốn tìm hiểu cho biết					
17. Đối với em, tham gia hoạt động định hướng nghề nghiệp là để cho biết chứ chẳng để làm gì					
18. Tham gia hoạt động định hướng nghề nghiệp cũng như không , chẳng có thông tin gì mới					
19. Nhà trường không cần tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp cho học sinh					
20. Theo em cần xây dựng nội dung định hướng nghề nghiệp đa dạng cho nhiều ngành nghề của xã hội để giúp HS có thêm nhiều thông tin nghề nghiệp để lựa chọn					
21. Em đã nhận thức rõ tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp với bản thân					

22. Bản thân em còn đang nhận thức rất mơ hồ về tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp					
23. Bản thân thiếu những thông tin đầy đủ về nghề nghiệp cơ bản hiện nay					
24. Bản thân đã nắm được hoàn toàn những thông tin về nghề nghiệp hiện nay					
25. Bản thân em không xác định được rõ khả năng của mình với nghề nghiệp đã chọn					
26. Bản thân em chưa xác định được hứng thú với nghề nào					
27. Bản thân thiếu thông tin về thị trường lao động (không rõ sau này nghề này sẽ làm gì, làm ở đâu, làm thế nào..)					
28. Em hoàn toàn tin tưởng vào việc định hướng nghề nghiệp của mình					
29. Bản thân còn băn khoăn không biết ngành nghề đã chọn có phù hợp với mình không					
30. Với bản thân em thấy định hướng nghề nghiệp vô cùng cần thiết và hữu ích					

C5. Em có thái độ ra sao trong việc học và tham gia các buổi định hướng nghề nghiệp ?

1. Rất quan tâm 2. Quan tâm 3. Bình thường 4. Chưa quan tâm

C6. Em hãy đưa ra ý kiến của mình với những nhận định dưới đây bằng cách đánh dấu X vào câu trả lời.

Phương án trả lời Các nhận định	Hoàn toàn sai	Phần lớn là sai	Nửa đúng nửa sai	Phần lớn là đúng	Hoàn toàn đúng
1. Em khá hào hứng tham gia các buổi học tập định hướng nghề nghiệp					
2. Trong các tiết học định hướng nghề nghiệp làm em ngao ngán (chán nản)					
3. Trong những tiết học định hướng nghề nghiệp em cảm thấy rất nhẹ nhàng và thoải mái					
4. Em rất nhiệt tình tham gia góp ý, xây dựng bài trong các tiết học định hướng nghề nghiệp					
5. Em mong chờ từng tiết học định hướng nghề nghiệp					
6. Em rất ghét tham gia tiết học định hướng nghề nghiệp					
7. Em ủng hộ và tán thành nội dung những tiết học định hướng nghề nghiệp					
8. Em phản đối việc có những tiết học định hướng nghề nghiệp.					
9. Học sinh cần tham gia tích cực những tiết học ngoại khóa về định hướng nghề nghiệp					
10. Em rất quan tâm đến định hướng nghề nghiệp cho bản thân					

11. Với định hướng nghề nghiệp em khá hồ hững					
12. . Em rất tự tin khi lựa chọn nghề nghiệp của mình					
13. Em rất lo lắng khi phải lựa chọn nghề nghiệp của bản thân					
14. Em rất hoang mang trước thông tin tuyển sinh của các trường					
15. Em cảm thấy bất an trước hình thức thi tuyển mới được áp dụng					
16. Bản thân khá lo lắng không biết sau này có xin được việc đúng nghề mà mình đã lựa chọn					
17. Em cảm thấy thiếu tự tin trong định hướng nghề nghiệp					

C7. Em tự đánh giá hành vi tham gia hoạt động định hướng nghề nghiệp của mình

1. Rất tích cực 2. Tích cực 3. Bình thường 4. Chưa tích cực

C8. Em hãy đọc kỹ câu dưới đây và trả lời bằng cách tích dấu X vào phương án đúng hoặc gần đúng nhất với em

Phương án trả lời	Hoàn toàn sai	Phần lớn là sai	Nửa đúng nửa sai	Phần lớn là đúng	Hoàn toàn đúng
Các nhận định					
1.Em tham gia đầy đủ nhưng buổi hoạt động định hướng nghề nghiệp					
2. Em thường chuẩn bị những nội dung kiến thức liên quan đến định hướng nghề					

nghiệp trước khi vào tiết ngoại khóa hướng nghiệp					
3. Khi các thầy cô giáo nói về định hướng nghề nghiệp em chăm chú nghe và theo dõi ví dụ để hiểu rõ hơn					
4. Trong giờ học định hướng nghề nghiệp, em thường giả bộ không quan tâm những vẫn lắng nghe thầy cô giáo giảng, chia sẻ					
5. Em thường không chú ý nghe giảng trong tiết học về định hướng nghề nghiệp					
6. Trong giờ học định hướng nghề nghiệp em thường làm bài của môn khác hoặc làm việc riêng					
7. Những lúc rảnh rỗi em thường tìm hiểu về định hướng nghề nghiệp					
8. Em thường chủ động nêu các vấn đề thắc mắc, không rõ khi tham gia buổi ngoại khóa về hướng nghiệp					
9. Thời gian tham gia tiết học ngoại khóa về định hướng nghề nghiệp em tranh thủ thư giãn (ngủ, sử dụng điện thoại...)					
10. Em rất lúng túng trong việc lựa chọn ngành thi, trường thi vì ngành nghề quá đa dạng và phong phú					
11. Gia đình có ảnh hưởng rất lớn tới việc lựa chọn ngành nghề của em					
12. Việc chọn nghề nghiệp là do em					

quyết định không chịu ảnh hưởng từ yếu tố nào					
13. Em quyết định chọn trường, nghề theo xu thế của các bạn chơi thân					
14. Em không đủ tự tin để tự chọn cho mình một ngành nghề riêng.					
15. Em quyết định thi vào trường tốt để có trượt cũng không phải xấu hổ với mọi người					
16. Bản thân chọn nghề theo xu thế chung của xã hội, ngành nghề đáp ứng yêu cầu như có sẵn đầu ra, dễ thăng tiến, kiếm được nhiều tiền...					
17. Bản thân thích một lúc nhiều nghề, không có định hướng cụ thể rõ ràng					
18. Em muốn chọn nghề phù hợp với năng lực của mình					

C9. Sau khi tốt nghiệp THPT em sẽ:

1. Thi Đại học, Cao đẳng, nếu không đỗ năm sau thi lại.
2. Thi Đại học, Cao đẳng nếu không đỗ sẽ đi học trung cấp chuyên nghiệp hoặc trường nghề.
3. Thi trung cấp chuyên nghiệp hoặc học nghề
4. Đi làm luôn

**C10. Em đã biết thông tin về nghề nghiệp của những nghề nào dưới đây?
Đánh dấu X vào những ngành nghề mà em biết.**

STT	Ngành nghề	Sự lựa chọn
1	Sư phạm	
2	Y, Dược	
3	Tài chính ngân hàng	
4	Xây dựng, kiến trúc, giao thông	
5	Văn hóa nghệ thuật, giải trí	
6	Công nghệ thông tin, ngoại ngữ, điện tử viễn thông	
7	Công an, quân đội	
8	Hàng hải	
9	Kinh tế, đối ngoại	
10	Quản trị kinh doanh	
11	Luật	
12	Ngành xã hội học	

Em hãy chọn 01 nghề mà bạn cho là ưu tiên nhất ?.....

.....
.....

Em hiểu biết gì về nghề này

.....
.....
.....

C12. Lý do mà em lựa chọn nghề của mình là (có thể lựa chọn nhiều đáp án)

1. Phù hợp với năng lực, sở trường, hứng thú, nhu cầu của bạn thân.
2. Thấy bạn bè và nhiều người chọn thì làm theo

3. Có thu nhập cao và nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm
4. Do gia đình định hướng
5. Thấy được ý nghĩa của nghề
6. Nghề có chi phí học tập thấp
7. Nghề có thời gian theo học ngắn
8. Nghề được xã hội đề cao
9. Ý kiến khác (ghi rõ)
-

C13. Em hãy sắp xếp mức độ ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp của mình theo thứ tự giảm dần từ 1 cho đến hết (với 1 là ảnh hưởng nhiều nhất)

1. Yếu tố chủ quan

Các Yếu tố	Số thứ tự
1. Do bản thân chưa có nhiều kiến thức kinh nghiệm liên quan đến các nghề nghiệp xã hội	
2. Do cá nhân chưa xác định rõ ràng sự cần thiết của công tác định hướng nghề nghiệp đối với việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai	
3. Do ý thức tham gia các buổi hoạt động định hướng nghề nghiệp ở trường của bản thân còn kém	
4. Do cá nhân thiếu tự tin trong việc đưa ra ý kiến, định hướng của mình về nghề nghiệp trong tương lai	
5. Do bản thân thiếu ý thức trong việc trau dồi kiến thức về định hướng nghề nghiệp	
6. Do bản thân chưa tích cực, chủ động trong các buổi hoạt động định hướng nghề nghiệp	
7. Do cá nhân có thái độ thờ ơ, thiếu hợp tác trong các buổi hoạt động định hướng nghề nghiệp	

2. Yếu tố khách quan

Các yếu tố	Số thứ tự
1. Do phương pháp của giáo viên khi thực hiện các buổi ngoại khóa về định hướng nghề nghiệp chưa tạo hứng thú cho học sinh	
2. Do hình thức tổ chức các buổi định hướng nghề nghiệp đơn điệu	
3. Do thời gian tổ chức không phù hợp ảnh hưởng đến việc học văn hóa	
4. Do thông tin nghề nghiệp cung cấp dàn trải, không rõ ràng	
5. Do phần lớn nội dung của hoạt động định hướng nghề nghiệp chỉ cung cấp thông tin cơ bản về khối thi, điểm thi	
6. Do áp đặt từ phía gia đình trong việc định hướng nghề nghiệp	
7. Do ảnh hưởng từ các thông tin đại chúng gây nhiễu vì khó xác định rõ thông tin đúng sai (báo, đài, internet...)	
8. Do ảnh hưởng từ sự đua đòi theo bạn bè trong định hướng nghề nghiệp	

C14. Theo em có những giải pháp gì giúp học sinh khắc phục khó khăn tâm lý trong định hướng nghề nghiệp?

Về phương pháp của giáo viên phụ trách các buổi hoạt động định hướng nghề nghiệp:

.....

.....

.....

.....

Về phía người học (học sinh):

.....

.....

.....

.....

Về cơ sở vật chất, thiết bị (đối với trường học):

.....

.....

.....

.....

.....

Về các hình thức tổ chức, triển khai các hoạt động định hướng nghề nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

C15. Xin em vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân

Giới tính:	1. Nam	2. Nữ
Nơi sinh sống :	1. Xã	2. Thị trấn(thị xã, thành phố)
Học lớp:	1. Lớp 10	2. Lớp 11 3. Lớp 12

Chúc các em sức khỏe và học tập tiến bộ!